

Biểu mẫu 17**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐH ĐÀ NẴNG
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC****Biểu mẫu 18
Khoa Giáo dục Tiểu học****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2022-2023**

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Chương trình Cử nhân Giáo dục Tiểu học

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tin học đại cương (Tin học CN1)	- Học phần cung cấp kiến thức về công nghệ thông tin, internet và an toàn và bảo mật thông tin, giúp sinh viên làm chủ được môi trường internet, sử dụng được các dịch vụ; - Học phần trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong tin học văn phòng.	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/thực hành/
2	Triết học Mác-Lênin	1. Hiểu được kiến thức khái quát về triết học. 2. Hiểu đúng vấn đề cơ bản của triết học, quan điểm của triết học Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. 3. Hiểu được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. 4. Hiểu đúng những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; hai nguyên lý; 03 quy luật; 06 cặp phạm trù; 5. Hiểu đúng mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội; 6. Chứng minh được sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. 7. Hiểu đúng vấn đề giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề con người;	3	35 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vai trò của quần chúng nhân dân, vĩ nhân, lãnh tụ.			
3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	<p>1. Hiểu được sự hình thành, phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.</p> <p>2. Hiểu được lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, giá trị thặng dư, các kiến thức cơ bản về thị trường, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>3. Trình bày được quan niệm của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các kiến thức liên quan đến quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>4. Hiểu được các kiến thức liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>5. Ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p>	3	<p>35 tiết lý thuyết</p> <p>10 tiết thực hành</p> <p>90 tiết tự học</p>	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>1. Hiểu được chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin; hoàn cảnh lịch sử, vai trò của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đối với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng và phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>2. Trình bày được khái niệm, đặc điểm giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được nội dung, phương hướng xây dựng, phát triển giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.</p> <p>3. Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về con đường quá</p>	2	<p>20 tiết lý thuyết</p> <p>10 tiết thực hành</p> <p>90 tiết tự học</p>	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4. Giải thích được quan điểm của chủ nghĩa chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, về dân pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện</p> <p>5. Phân tích được cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong chủ nghĩa xã hội và vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>6. Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình ở Việt Nam hiện nay.</p>			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>1. Hiểu được quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhận thức đúng về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>2. Nhận thức đúng đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).</p> <p>3. Hiểu được những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ Đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội (1975-2018).</p> <p>4. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sinh viên nắm vững đường lối của Đảng, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		5. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>1. Hiểu được bối cảnh lịch sử - xã hội, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Trình bày được hệ thống tư tưởng, văn hóa và đạo đức của Hồ Chí Minh</p> <p>3. Phân tích được những sáng tạo về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh.</p> <p>4. Đánh giá đúng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>5. Xây dựng được lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự phát triển đất nước; vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện đạo đức, tác phong và công tác của bản thân; dũng cảm đấu tranh chống những quan điểm và hiện tượng sai trái.</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm
7	Pháp luật đại cương	<p>1. Hiểu được khái niệm, nguồn gốc, bản chất, chức năng, vai trò của Nhà nước, các cơ quan cấu thành bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, chức năng pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật.</p> <p>2. Hiểu được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật và sự kiện pháp lý.</p> <p>3. Giải thích được các hình thức thực hiện pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, vi</p>	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. 4. Hiểu đúng một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và Luật Phòng chống tham nhũng. 5. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người học, xử lý được các tình huống pháp luật trong thực tiễn.			
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
9	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	<i>Tiếng Việt thực hành ở tiểu học</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo các nhóm vấn đề chính: Chính tả; Dùng từ; Đặt câu; Viết đoạn văn; Xây dựng văn bản. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.	3	25 tiết lý thuyết 20 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)
10	Cơ sở Việt ngữ 1 của	<i>Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến	3	45 tiết lý thuyết	Thuyết trình, thảo luận nhóm,

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	việc dạy học tiếng Việt tiểu học	thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và hệ thống tiếng Việt hiện đại, bao gồm các nội dung: Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt (ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt); Ngữ âm tiếng Việt hiện đại (âm tiết, hệ thống âm vị và chữ viết tiếng Việt); Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt; các lớp từ xét trên bình diện: cấu tạo, ngữ nghĩa, nguồn gốc).		15 tiết thực hành/thảo luận 120 tiết tự học	thực tế, thực hành, thí nghiệm
11	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	<i>Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i> là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. Học phần này tạo điều kiện để sinh viên phát triển các kỹ năng sử dụng đúng từ loại, cụm từ, câu trong ngữ cảnh cụ thể; viết câu, đoạn văn, văn bản đúng và hay; có kỹ năng phân tích phong cách ngôn ngữ tác phẩm, ứng dụng viết các thể loại văn bản thuộc các phong cách khác nhau và đặc biệt biết ứng dụng trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	3	18 tiết lý thuyết 12 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Lý thuyết/Thảo luận/ Thực hành/Thí nghiệm/tự luận
12	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp: khái niệm, tính chất, phép toán, quan hệ hai ngôi, ánh xạ; logic toán: khái niệm, tính chất về mệnh đề, các phép toán trên mệnh đề; hàm mệnh đề, công thức, luật và qui tắc suy luận và ứng dụng để trình bày, diễn đạt, cách lập luận chặt chẽ, phát triển tư duy logic trong quá trình dạy môn toán ở cấp tiểu học; những kiến	3	Giới thiệu đề cương học phần (1 tiết) Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, các phân ngành của Tâm lý học (5 tiết) Chương 2: Tâm lý học và các khoa học	kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức cơ bản về các yếu tố hình học ở tiểu học: hệ thống các phương pháp tiên đề, khái niệm chung về đường, mặt, khối; đa giác, khối đa diện tròn xoay; đo diện tích, đo thể tích. Qua đó giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở của việc dạy học toán ở tiểu học đồng thời nâng cao năng lực dạy học môn Toán ở tiểu học.		về con người (4 tiết) Chương 3: Các phương pháp nghiên cứu của TLH (4 tiết) Chương 4: Sự phát triển tâm lý người và động vật (4 tiết) Chương 5: Bản chất tâm lý người (6 tiết) Chương 6: Ý thức - nhân cách (6 tiết)	Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)
13	Cơ sở Toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc đại số: nửa nhóm, vị nhóm, nhóm, vành, miền nguyên, trường; xây dựng hệ thống số: tập hợp số tự nhiên \mathbb{N} , tập hợp số nguyên \mathbb{Z} , tập hợp số hữu tỉ \mathbb{Q} , tập hợp số thực \mathbb{R} , tập hợp số phức \mathbb{C} . Những nội dung này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cấu trúc của các tập hợp số và cơ sở toán học của việc dạy học toán tiểu học, từ đó giúp sinh viên nâng cao năng lực dạy học môn Toán ở tiểu học.	3	Tuần 1. Giới thiệu môn học, mục tiêu, chuẩn đầu ra, tài liệu, phương pháp và yêu cầu học tập. (2 tiết) Tuần 2. Chương 1. Đặc trưng học tập ở trường đại học (2 tiết) Tuần 2. Chương 2. Tổ chức các điều kiện để học tập hiệu quả (2 tiết) Tuần 3 - tuần 7. Chương 2 (tiếp theo) (10 tiết) Tuần 8. Các kỹ năng học tập cơ bản ở đại học (14 tiết)	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) nhật ký môn học Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)
14	Sinh lý học trẻ em	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ thể con người ở mức đại thể theo phương pháp hệ thống và các quá	2	10 tiết lý thuyết; 20 tiết thực hành; 60 tiết tự học	1/ Đánh giá quá trình: Bài tập cá

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình sống trong cơ thể nhằm tìm hiểu và giải thích những cơ chế điều hòa và tự điều hòa các quá trình sống để duy trì sự cân bằng, thích nghi, tồn tại và phát triển của hệ thống sống. Người học có thể vận dụng kiến thức môn học vào việc bảo vệ cơ thể.			nhân và thảo luận nhóm 2/ Bài tập giữa kỳ: Thực hành 3/Cuối kỳ: thực hành
15	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về lý thuyết Xác suất và Thống kê. Trong đó bao gồm các khái niệm về phép thử, biến cố và xác suất; các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất; lý thuyết mẫu; bài toán ước lượng, kiểm định các tham số đặc trưng của mẫu. Trên cơ sở đó tổ chức dạy học yếu tố xác suất và thống kê ở tiểu học, cũng như phân tích các hiện tượng giáo dục và đánh giá tính hiệu quả của các cải tiến trong dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.	2	Tuần 1-3 Chương 1. Phạm trù hoạt động trong Tâm lý học; Tuần 3-4 Chương 2: Chú ý; Tuần 5-6: Chương 3. Cảm giác; Tuần 6-7 Chương 3. Tri giác; Tuần 8: Seminar; Tuần 9-10: Chương 5; Tuần 11-12 Tư duy; Tuần 13: Tưởng tượng; Tuần 14: Ngôn ngữ; Tuần 15: Seminar	1/ Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm 2/ Bài tập giữa kỳ: Tự luận 3/Cuối kỳ: vấn đáp
16	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Học phần gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.	2	Lý thuyết: 21 tiết; Thảo luận, bài tập: 9 tiết tự học: 60 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Kỹ năng tham vấn học đường	Học phần Kỹ năng tham vấn học đường cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong tham vấn tâm lý trong nhà trường tiểu học. Nội dung của học phần gồm: Những vấn đề chung về tham vấn học đường; Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đối với người giáo viên làm công tác tham vấn học đường trong trường tiểu học; Học sinh tiểu học và các nan đề cần được tham vấn; Các loại hình và quy trình tham vấn; Một số kỹ năng tham vấn học đường cơ bản.	2	Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 15 tiết tự học: 90 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)
18	Tin học chuyên ngành	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu. Học phần giúp người học đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cần thiết đối với sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học khi ra trường như các mô hình tiếp cận áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; cách thiết kế và xây dựng trang web, trang cá nhân phục vụ dạy học; thiết kế phiếu khảo sát, bài trắc nghiệm trực tuyến và xử lý kết quả thu được; sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các công cụ với dịch vụ web 2.0; tham gia kết nối với cộng đồng giáo dục và duy trì kết nối.	2	Tuần 1: Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển Tuần 2-3: Chương 2. Các quan điểm và lý thuyết về sự phát triển tâm lý người Tuần 4-5: Chương 3. Bản chất của sự phát triển tâm lý người Tuần 6: Chương 4. Giai đoạn bào thai và sự ra đời của trẻ Tuần 7-8: Chương 5. Sự phát triển tâm lý của trẻ từ khi sinh đến 1 tuổi	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
				Tuần 9-11: Chương 6. Sự phát triển tâm lý trẻ em từ 1 đến 3 tuổi Tuần 12-15: Chương 7. Sự phát triển tâm lý trẻ mẫu giáo (10 tiết)	
19	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học về Khoa học Giáo dục Tiểu học; những kiến thức của ngành nghề đào tạo; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên; những hành vi giáo viên được làm và không được làm; chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên. Qua đó SV ngành GD Tiểu học sẽ có ý thức trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của một nhà giáo trong tương lai.	2	20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành 90 tiết tự học	Lý thuyết/bài tập thảo luận nhóm/tự luận
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng lý luận về PPCKH, PPCKHGD, phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; các giai đoạn thực hiện một đề tài nghiên cứu; cách viết đề cương nghiên cứu; cách thiết kế nghiên cứu; cách thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu bằng công cụ thống kê toán học; cách giải quyết những vấn đề, tồn tại, cách thức tác động sư phạm trong hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học. Nghiên cứu khoa học sư phạm là một phần trong phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.	2	- Lý thuyết: 20; - Thảo luận: 10 tiết; - Tự học: 60 tiết	Tiểu luận/Lý thuyết/bài tập thảo luận nhóm/tự luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Văn học thiếu nhi	Học phần <i>Văn học thiếu nhi</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về văn học thiếu nhi. Nội dung học phần tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính: (1) Văn học dân gian dành cho thiếu nhi; (2) Văn học thiếu nhi Việt Nam; (3) Văn học thiếu nhi nước ngoài. Ngoài ra môn học còn cung cấp những phương pháp tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi.	4	45 LT, 15 Bài tập/thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Bài tập thực hành cá nhân) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tập thực hành cá nhân)
22	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	Trên cơ sở nội dung và phương pháp dạy học toán, tiếng việt, Tự nhiên – Xã hội, Đạo đức,... ở tiểu học, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng CNTT để tổ chức môi trường học tập, thiết kế các hoạt động dạy học khám phá, thực hành, luyện tập và vận dụng, hỗ trợ đổi mới PPDH ở tiểu học theo hướng tích cực hóa các hoạt động nhận thức của học sinh, giúp học sinh kiến tạo nên tri thức mới,... phù hợp với con đường nhận thức, tâm sinh lí lứa tuổi HS tiểu học.	2	15 LT, 15 Thực hành	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30 % (bài tập cá nhân và bài tập nhóm) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (vấn đáp)
23	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	<i>Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về cảm thụ văn học; rèn luyện các năng lực cơ bản về cảm thụ văn học khi dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. Nội dung	2	- Lý thuyết: 20; -Thảo luận: 20 tiết; -Thực hành, thí nghiệm: 10 tiết -Tự học: 60 tiết	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bao gồm 3 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về cảm thụ văn học; (2) Nội dung và phương pháp tổ chức cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học; (3) Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học.			
24	Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học	<p><i>Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học</i> là một chuyên đề trong môn Tiếng Việt nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ Hán Việt và các kỹ năng nhận diện, giải nghĩa từ Hán Việt, đặc biệt là từ Hán Việt trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên nắm nội dung về từ Hán Việt theo 4 nhóm vấn đề chính: (1) Quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt; (2) Khái niệm từ Hán Việt; (3) Một số vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong chương trình và SGK Tiếng Việt tiểu học; (4) Bỏ túc vốn từ Hán Việt qua một số bài thơ Đường và thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.</p> <p>Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 20; -Thảo luận: 5 tiết; -Thực hành, thí nghiệm: 5 tiết -Tự học: 60 tiết 	Tự luận
25	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	<p><i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học</i> là học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 20; -Thảo luận, bài tập: 10 tiết; -Tự học: 90 tiết 	Thuyết trình/thảo luận/bài tập nhóm/ tự luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	<i>Cơ sở khoa học tự nhiên ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Các kiến thức cơ sở này thuộc một số lĩnh vực khoa học như vật lí, hóa học, sinh học và một số lĩnh vực liên ngành như: môi trường, dân số, sức khỏe,...	3	30 LT, 15 Thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tự luận)
27	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	<i>Cơ sở khoa học xã hội ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có những kiến thức cơ bản về xã hội (chủ đề Xã hội, Địa lí và Lịch sử) có liên quan đến nội dung, chương trình các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học và phương pháp dạy học môn Địa lí và Lịch sử ở tiểu học. Nội dung bao gồm 3 nhóm vấn đề chính: (1) Một số kiến thức chung về xã hội; (2) Địa lí; (3) Lịch sử.	3	30 LT, 15 Thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tự luận)
28	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	<i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học như Tiếng Việt, Đạo đức, Công nghệ, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học và các hoạt động giáo dục ở nhà trường để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh. Học phần <i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i>	2	30 LT, 15 Thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tự luận)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, (2) Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học.			
29	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	<i>Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học</i> là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, giáo dục môi trường và các hình thức, phương pháp giáo dục môi trường trong tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội, Đạo đức, Công nghệ, ... làm cơ sở cho sinh viên vận dụng vào thực tế giáo dục môi trường trong nhà trường tiểu học. Nội dung môn học gồm 2 phần chính, bao gồm (1) Một số vấn đề cơ bản về môi trường và bảo vệ môi trường và (2) Giáo dục môi trường ở trường tiểu học.	2	20 LT, 10 Thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tự luận)
30	Phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học	Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về phân tích chương trình môn học, bao gồm đặc điểm, cấu trúc, dụng ý sư phạm của nội dung kiến thức cần dạy, kỹ năng phân tích chương trình môn học; chương trình, các loại chương trình, quy trình phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học. Từ đó thực hành phát triển chương trình môn học bổ sung vào nội dung giáo dục địa phương, nhà trường trong giáo dục toàn diện đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học. Không những thế, học phần còn góp phần hình thành cho SV năng lực phân tích và phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận 10 Tự học: 60 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tự luận)
31	Quản lý nhà nước về giáo dục	Học phần Quản lý nhà nước về giáo dục thuộc khối kiến thức chung, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản quản lý nhà nước về giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân Việt	2	20LT, 10 thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nam; chủ trương, đường lối chính sách về phát triển và đổi mới giáo dục; Giúp người học ý thức rõ trách nhiệm của bản thân để chủ động tham gia xây dựng nền hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương, nhà trường công tác sau tốt nghiệp.			Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tự luận)
32	Dạy học tích hợp ở tiểu học	<i>Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học</i> là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và phương pháp dạy học theo quan điểm tích hợp, đặc biệt là phương pháp và kỹ năng dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.	2	20LT, 10 thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Báo cáo làm việc nhóm) Thi kết thúc học phần: 50% (Tự luận)
33	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	<i>Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp và các thủ pháp luyện phát âm (luyện nói và luyện đọc) cho học sinh tiểu học; hình thành kỹ năng phát hiện và chữa các lỗi của học sinh khi nói và đọc trên bình diện ngữ âm học. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát chung về phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm ; (2) Phương pháp và biện pháp chữa lỗi phát âm cho học sinh.	2	-Lý thuyết: 15 tiết - Thảo luận: 10 tiết Thực hành: 5 tiết	Báo cáo làm việc nhóm, tự luận

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	Học phần Tổ chức hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng là học phần bắt buộc thuộc khối chuyên ngành trong chương trình Giáo dục Tiểu học. Nội dung bao gồm hệ thống nghiệp vụ kỹ năng công tác Đội và Sao Nhi đồng. Qua đó giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng có trải nghiệm thực tế thông qua các hoạt động.	2	Thực hành 2t	Kiểm tra thường xuyên: 20% (thái độ) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (hoạt động trong chuyến đi) Thi kết thúc học phần: 50% (Bài tự luận)
35	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	Tâm lý học sư phạm tiểu học là khoa học cơ sở trong hệ thống các khoa học sư phạm. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Khái quát về lứa tuổi học sinh tiểu học, điều kiện phát triển tâm lý, đặc điểm hoạt động học tập, giao tiếp và sự phát triển nhân cách lứa tuổi tiểu học; Khái quát về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục: quá trình dạy học và các yếu tố cơ bản của nó, tâm lý học về sự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, dạy học và sự phát triển trí tuệ; Những cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức; Những đặc trưng của lao động sư phạm và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo.	4	Tuần 1: Chương 1. Tâm lý học xã hội là một khoa học Tuần 2-6: Chương 2. Một số hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản và các quy luật hình thành chúng Tuần 7-9: Chương 3. Giao tiếp xã hội Tuần 10-14: Chương 4. Tâm lý học về nhóm Tuần 15: Chương 5. Hành vi gây hấn	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiểu luận)
36	Giáo dục học tiểu học	Học phần này đề cập lý luận cơ bản về giáo dục học tiểu học bao gồm: - Những vấn đề chung nhất về giáo dục học tiểu học như: Giáo dục học là một khoa học; giáo dục và sự phát triển; mục đích giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân; nguyên lý giáo dục; các con đường giáo dục; đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên tiểu học trong nhà trường	2	20 tiết/10 tuần Lý thuyết: 15 tiết; thảo luận: 10 tiết; Thực hành: 5 tiết Tự học: 60 tiết	Thuyết trình/báo cáo ca

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>- Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học tiểu học: Khái quát về quá trình dạy học tiểu học như khái niệm, bản chất, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc dạy học; nội dung dạy học; phương pháp dạy học; hình thức tổ chức dạy học; đánh giá kết quả dạy học</p> <p>- Một số vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục tiểu học như: Khái quát về quá trình giáo dục tiểu học như khái niệm, bản chất, đặc điểm, động lực, logic của quá trình giáo dục; nguyên tắc giáo dục; nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.</p>			
37	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	Học phần này hình thành cho sinh viên các năng lực giáo dục của người giáo viên nói chung và của người giáo viên chủ nhiệm lớp nói riêng; tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học để xây dựng môi trường giáo dục tích cực cho học sinh như: Hình thành kỹ năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong nhà trường; kỹ năng quản lý hành vi học sinh; kỹ năng hỗ trợ, tư vấn tâm lý học sinh; kỹ năng tổ chức hoạt động kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục học sinh tiểu học.	2	<p>Chương 1: Các vấn đề chung về tâm lý trị liệu (4 tiết)</p> <p>Chương 2: Mối quan hệ hỗ trợ, thân chủ và nhà trị liệu (6 tiết)</p> <p>Chương 3: Các trường phái trị liệu tâm lý (18 tiết)</p> <p>Chương 4: Các trường phái triết chung (2 tiết)</p>	<p>kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>Kiểm tra định kỳ: (30%) bài tập cá nhân</p> <p>Thi kết thúc học phần: 50% (tự luận)</p>
38	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	Học phần Giao tiếp Sư phạm của người giáo viên tiểu học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học. Nội dung của học phần được bao gồm 4 chương: (1) Khái quát về giao tiếp sư phạm ở cấp tiểu học; (2) Một số nguyên tắc giao	2	20 LT, 10 thảo luận	<p>kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập cá nhân và nhóm)</p>

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếp, quy tắc ứng xử và các phong cách giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học; (3) Các kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học; (4) Xử lý các tình huống sư phạm.			Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (tiểu luận)
39	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	<p>Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học là học phần giúp sinh viên tiểu học có những hiểu biết cơ bản về cách thức giáo dục cho học sinh khuyết tật trong trường tiểu học. Học phần sẽ trình bày những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: khái niệm, nguyên nhân khuyết tật, phân loại, các mô hình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật. - Tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ, ngôn ngữ, vận động, tự kỷ. - Hỗ trợ giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học: xây dựng vòng tay bạn bè, xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng 	2	20 LT, 10 thảo luận	<p>1/Đánh giá quá trình: Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm</p> <p>2/Giữa kỳ: Tiểu luận ngắn</p> <p>3/Cuối kỳ: Báo cáo tiểu luận</p>
40	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	<i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên một số thông tin cơ bản về nghiệp vụ sư phạm và góp phần rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản như: kỹ năng tìm hiểu các vấn đề về trường tiểu học, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tiếng Việt, kỹ năng sử dụng và thiết kế đồ dùng dạy học góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình	3	15 LT, 30 thực hành	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)</p> <p>Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân)</p> <p>Kiểm tra kết thúc học phần:</p>

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học.			50% (thi thực hành)
41	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	<i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học</i> cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ sư phạm tiểu học như kỹ năng tìm hiểu, phân tích nội dung chương trình, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá các môn học và hoạt động giáo dục ở tiểu học... Cùng với <i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học</i> , học phần này góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn ở cấp tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.	3	15 LT, 30 thực hành	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi thực hành)
42	Phương pháp dạy học toán tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về: - Phương pháp dạy học (PPDH) đại cương: PPDH nói chung và PPDH Toán nói riêng; Vị trí, nhiệm vụ, nội dung của môn Toán ở tiểu học; Một số PPDH thường dùng trong dạy học môn Toán ở tiểu học; Chuẩn bị và tổ chức dạy học toán ở tiểu học. - PPDH toán phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đặc biệt năng lực toán học. - PPDH cụ thể: Phương pháp dạy học các nội dung cụ thể môn Toán theo hướng phát triển năng lực toán học; PPDH các nội dung kiến thức cụ thể trong chương trình môn Toán tiểu học: Số học và phép tính; Hình học và đo lường; Xác suất và thống kê theo hướng phát triển năng lực học sinh Qua đó giúp người học có các năng lực chuyên môn nghiệp vụ tổ chức dạy học toán theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, đáp ứng dạy học CTGDPT 2018.	4	45 tiết lí thuyết 15 tiết thực hành	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Thực hành dạy học toán phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	Học phần giúp SV rèn luyện những kỹ năng cơ bản về thực hành: kỹ năng vận dụng PPDH tích cực vào các nội dung dạy học toán cụ thể ở tiểu học; kỹ năng lựa chọn và thiết kế bài tập, kỹ năng thiết kế KHBH phát triển NL cho người học; kỹ năng tổ chức dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển PC và NL cho HS; Ngoài ra, học phần này còn tạo điều kiện để SV phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, các kỹ năng mềm (thuyết trình, xử lý tình huống, giao tiếp,...).	2	20 tiết LT 10 tiết thực hành	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Nhật ký môn học) Thi kết thúc học phần: 50% (Thực hành/tự luận)
44	Thực hành giải toán tiểu học	Học phần “ <i>Thực hành giải toán ở Tiểu học</i> ” trang bị cho sinh viên kiến thức về giải toán ở tiểu học, các phương pháp giải toán cơ bản thường được sử dụng và một số phương pháp mới, hiện đại để sớm tiếp cận với Toán học ở các cấp học cao hơn sau này. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng và năng lực cần thiết để tổ chức hoạt động dạy – học giải toán ở tiểu học. Nội dung học phần gồm 3 chương: (1) Đại cương về giải toán ở tiểu học, (2) Ứng dụng các phương pháp vào giải toán tiểu học, (3) Đánh giá kết quả dạy học toán ở tiểu học.	3	30 tiết LT 15 thực hành	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập cá nhân và nhóm) kiểm tra kết thúc học phần: 50% (tiểu luận/tự luận/thực hành)
45	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp dạy học tiếng Việt và các kỹ năng giảng dạy tiếng Việt ở tiểu học. Học phần tập trung vào việc giúp người học rèn luyện các kỹ năng về PPDH tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) Những vấn đề chung về PPDH tiếng Việt ở tiểu học; (2) Vận dụng những kiến thức cơ bản về PPDH tiếng Việt vào dạy hoạt động	4	Lý thuyết: 45 tiết; thảo luận: 15 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đọc (PP dạy hoạt động đọc ở giai đoạn học vần), PP dạy hoạt động viết (dạy kỹ thuật viết: Kỹ thuật viết chữ và viết chính tả).			Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
46	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp dạy các hoạt động môn Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực ngôn ngữ, cụ thể: PP dạy hoạt động đọc (đọc đoạn văn, văn bản), PP dạy hoạt động viết (quy trình viết câu, đoạn, văn bản), PP dạy hoạt động nói nghe, PP dạy hoạt động hình thành kiến thức tiếng Việt cho HS tiểu học.	4	45 tiết LT 15 thực hành	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
47	Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học	<i>Phương pháp dạy học tự nhiên – xã hội ở tiểu học</i> là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về lí luận dạy học các môn về tự nhiên và xã hội, rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Cùng với học phần <i>Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học</i> , <i>Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học</i> góp phần hình thành cho sinh viên năng lực dạy học các môn về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học.	3	Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 15 tiết Tự học: 60 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
48	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	<i>Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học</i> là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của đạo đức học có liên quan đến hoạt động giáo dục đạo đức nói chung và chương trình dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học nói riêng; hình	2	20 tiết LT 10 TH	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành và phát triển cho sinh viên năng lực dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.			Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
49	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên giáo dục tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá PC, NL học sinh ở trường tiểu học. Hình thành cho SV những kỹ năng cơ bản trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, PC, NL học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên. Nội dung cụ thể đề cập đến: - Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập; ĐG PC, NL - Đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học: Mục đích đánh giá; nguyên tắc đánh giá; Quy trình đánh giá; kỹ thuật đánh giá; Yêu cầu đối với việc đánh giá học sinh tiểu học... - Sử dụng PP, hình thức, công cụ đánh giá HS tiểu học...	2	20 LT 10 TH	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
50	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i>	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i> là học phần tự chọn bắt buộc, thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ; nội dung, các hình thức, phương pháp sinh hoạt chuyên môn (SHCM) của tổ chuyên môn ở trường tiểu học. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, quy trình SHCM dựa trên nghiên cứu bài học hướng đến phát triển năng lực đội ngũ giáo viên, từ đó ứng dụng vào việc lập kế hoạch và tổ chức buổi SHCM hiệu quả.	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi thực hành)
51	<i>Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ tiểu học</i>	<i>Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học</i> là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về Công nghệ và đời sống, Thủ công, Kỹ thuật và phương thức dạy học môn này ở tiểu học. Học phần <i>Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học</i> gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Kiến thức cơ sở về Công nghệ; (2) Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học.	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết	bài tập nhóm/tự luận
52	<i>Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học</i>	<i>Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học ở tiểu học</i> là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp Bàn tay nặn bột; những vấn đề chung về việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học.	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					50% (thi tự luận)
53	<i>Dạy học theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>	<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i> là một học phần mang tính tích hợp vừa rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong dạy học tiếng Việt và trong giao tiếp. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) PP dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp; (2) Dạy sản sinh văn bản nói và viết cho HS tiểu học.	2	Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Thực hành: 0 tiết Tự học: 60 tiết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
54	<i>Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học</i>	<i>Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở Tiểu học</i> là một môn học cơ bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các chuyên ngành mỹ thuật và còn nhằm giúp sinh viên nắm bắt được qui trình giảng dạy môn Mỹ thuật (soạn kế hoạch bài dạy, tiến trình thực hiện một bài dạy trên lớp...).. Đây là học phần được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Môn học này có thể bố trí ở học kỳ 1 năm thứ hai trong chương trình đào tạo.	3	30 LT 15TH	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) Kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi thực hành)
55	<i>Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học</i>	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc tiểu học gồm hai phần; phần 1: Âm nhạc, cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc cho người học, gồm giới thiệu về âm thanh, cao độ âm thanh; những kiến thức về trường độ của âm thanh, tiết tấu - tiết nhịp, quãng, điệu thức - giọng và sơ lược về hợp âm, kỹ năng về đọc nhạc cơ bản; phần 2:	3	30 LT 15TH	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm) Kiểm tra giữa kỳ: (30%)

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phương pháp dạy học âm nhạc, cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học âm nhạc ở Tiểu học.			(Báo cáo làm việc nhóm) Thi kết thúc học phần: 50% (thực hành)
56	<i>Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</i>	Học phần “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học” hướng dẫn người học xây dựng các loại kế hoạch dạy học và giáo dục cụ thể là: Giới thiệu về kế hoạch giáo dục của nhà trường mà trọng tâm là khung kế hoạch thời gian thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học làm căn cứ để các tổ chuyên môn, các giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, của cá nhân; hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục); hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân; hướng dẫn xây dựng, phát triển kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.	2	20 LT 15 TH 60 tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập và báo cáo nhóm) Kiểm tra giữa kỳ: (30%) (Báo cáo làm việc nhóm) Thi kết thúc học phần: 50% (thực hành)
57	Kiến tập sư phạm	Học phần <i>Kiến tập sư phạm</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức kiến tập và khóa luận tốt nghiệp dành cho chuyên ngành Giáo dục Tiểu học. Nội dung bao gồm: sinh viên có 3 tuần ở trường tiểu học dưới sự hướng dẫn của giáo viên tiểu học. Bên cạnh đó, sinh viên còn tham gia các hoạt động của trường tiểu học: tìm hiểu về trường, tìm hiểu về hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh, dự giờ chuyên môn và chủ nhiệm lớp.	2	4 tuần	Cơ sở kiến tập ĐG
58	Thực tập sư phạm	Học phần Thực tập sư phạm có nội dung học tập gắn liền lí luận với thực tiễn, tạo điều kiện	4	8 tuần	Cơ sở thực tập ĐG

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>cho giáo sinh có cơ hội thực tập giảng dạy trong vai trò người giáo viên thực sự. Giáo sinh được thực hành tất cả các nhiệm vụ cần thiết của GV, từ chuẩn bị giáo án, cơ sở vật chất phục vụ bài học đến tổ chức hoạt động học tập cũng như đánh giá kết quả học tập của học sinh. Tất cả các khâu của quá trình dạy học được mỗi giáo sinh thực hiện nhằm giúp phát triển các năng lực cần thiết của người GV; từ đó tạo dựng tình cảm nghề nghiệp ở người giáo sinh, củng cố và phát triển niềm tin vào công việc dạy học nên giáo sinh cần tham dự và thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần Thực tập sư phạm.</p> <p>Đặc thù của học phần Thực tập sư phạm là hình thành cho giáo sinh hệ thống kỹ năng của nghề dạy học nói chung và dạy học tiểu học nói riêng thông qua hoạt động thực tiễn tại trường tiểu học. Do đó, trong quá trình tạo lập kỹ năng, giáo sinh phải có khả năng làm việc độc lập, phân tích và tư duy phản biện để vận dụng vào quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học; trên cơ sở đó mà phân chia thời gian luyện tập một cách thích hợp.</p>			
59	Khóa luận tốt nghiệp	<p>Khóa luận tốt nghiệp là học phần tự chọn bắt buộc, sinh viên thực hiện nghiên cứu đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Mục đích giúp sinh viên có điều kiện nghiên cứu chuyên sâu những vấn đề lý luận của chuyên ngành, vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề thực tiễn, đồng thời phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học. Nội dung của học phần hướng sinh viên vào việc lựa chọn đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.</p>	6	Học kì 8	Báo cáo KLTN

STT	Tên môn học	Mục tiêu của môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành GD Tiểu học có những kiến thức cơ bản về Thiết kế chủ đề dạy học STEM: các khái niệm, hình thức tổ chức dạy học theo chủ đề STEM, điều kiện triển khai, tổ chức thực hiện chủ đề dạy học STEM và các tiêu chí đánh giá chủ đề dạy học STEM ở trường tiểu học.	3	Học kì 8	Báo cáo
61	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học	Học phần giúp sinh viên bước đầu tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động trải nghiệm môn học ở tiểu học. Trên cơ sở những kiến thức đã học, sinh viên lựa chọn vấn đề, lập đề cương và thiết kế các hoạt động trải nghiệm môn học theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua đó, giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên.	3	Học kì 8	Báo cáo

2. Chương trình SP Tin học và Công nghệ Tiểu học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác-Lênin	<p>1. Hiểu được kiến thức khái quát về triết học.</p> <p>2. Hiểu đúng vấn đề cơ bản của triết học, quan điểm của triết học Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.</p> <p>3. Hiểu được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>4. Hiểu đúng những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; hai nguyên lí; 03 quy luật; 06 cặp phạm trù;</p>	3	<p>Hk2</p> <p>35 tiết lý thuyết</p> <p>10 tiết thực hành</p> <p>90 tiết tự học</p>	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>5. Hiểu đúng mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội;</p> <p>6. Chứng minh được sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên.</p> <p>7. Hiểu đúng vấn đề giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề con người; vai trò của quần chúng nhân dân, vĩ nhân, lãnh tụ.</p>			
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	<p>1. Hiểu được sự hình thành, phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.</p> <p>2. Hiểu được lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, giá trị thặng dư, các kiến thức cơ bản về thị trường, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>3. Trình bày được quan niệm của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các kiến thức liên quan đến quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>4. Hiểu được các kiến thức liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>5. Ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p>	3	<p>HK3</p> <p>35 tiết lý thuyết</p> <p>10 tiết thực hành</p> <p>90 tiết tự học</p>	<p>Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>1. Hiểu được chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin; hoàn cảnh lịch sử, vai trò của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đối với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng và phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>2. Trình bày được khái niệm, đặc điểm giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được nội dung, phương hướng xây dựng, phát triển giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.</p> <p>3. Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4. Giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về Nhà nước xã hội chủ nghĩa, về dân chủ quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>5. Phân tích được cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong chủ nghĩa xã hội và vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>6. Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình ở Việt Nam hiện nay.</p>	2	<p>HK4</p> <p>20 tiết lý thuyết</p> <p>10 tiết thực hành</p> <p>90 tiết tự học</p>	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>1. Hiểu được quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhận thức đúng về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>	2	<p>HK5</p> <p>20 tiết lý thuyết</p> <p>10 tiết thực hành</p> <p>60 tiết tự học</p>	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>2. Nhận thức đúng đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).</p> <p>3. Hiểu được những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ Đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội (1975-2018).</p> <p>4. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sinh viên nắm vững đường lối của Đảng, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p>5. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.</p>			
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>1. Hiểu được bối cảnh lịch sử - xã hội, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Trình bày được hệ thống tư tưởng, văn hóa và đạo đức của Hồ Chí Minh</p> <p>3. Phân tích được những sáng tạo về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh.</p> <p>4. Đánh giá đúng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>5. Xây dựng được lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự phát triển đất nước; vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện đạo đức, tác phong và công tác của bản</p>	2	<p>HK6</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học</p>	Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thân; dũng cảm đấu tranh chống những quan điểm và hiện tượng sai trái.			
6.	Pháp luật đại cương	<p>1. Hiểu được khái niệm, nguồn gốc, bản chất, chức năng, vai trò của Nhà nước, các cơ quan cấu thành bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, chức năng pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật.</p> <p>2. Hiểu được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật và sự kiện pháp lý.</p> <p>3. Giải thích được các hình thức thực hiện pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4. Hiểu đúng một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và Luật Phòng chống tham nhũng.</p> <p>5. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người học, xử lý được các tình huống pháp luật trong thực tiễn.</p>	2	<p>HK3</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học</p>	<p>Thuyết trình/thảo luận/trắc nghiệm</p>
7.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p><i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.</p>	2	<p>HK2</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8.	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	<p><i>Tiếng Việt thực hành ở tiểu học</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo các nhóm vấn đề chính: Chính tả; Dùng từ; Đặt câu; Viết đoạn văn; Xây dựng văn bản.</p> <p>Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.</p>	2	<p>HK2</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)</p>
9.	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	<p>Tâm lý học sư phạm tiểu học là khoa học cơ sở trong hệ thống các khoa học sư phạm. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Khái quát về lứa tuổi học sinh tiểu học, điều kiện phát triển tâm lý, đặc điểm hoạt động học tập, giao tiếp và sự phát triển nhân cách lứa tuổi tiểu học; Khái quát về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục: quá trình dạy học và các yếu tố cơ bản của nó, tâm lý học về sự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, dạy học và sự phát triển trí tuệ; Những cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức; Những đặc trưng của lao động sư phạm và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo..</p>	4	<p>HK1</p> <p>45 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)</p>
10.	Giáo dục học tiểu học	<p>Học phần này đề cập lý luận cơ bản về giáo dục tiểu học bao gồm:</p> <p>- Những vấn đề chung nhất về giáo dục học tiểu học như: Giáo dục học là một khoa học; giáo dục phát triển; mục đích giáo dục; hệ thống giá trị quốc dân; nguyên lý giáo dục; các con đường</p>	3	<p>HK1</p> <p>30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>dục; đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên học trong nhà trường</p> <p>- Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học tiểu học</p> <p>Khái quát về quá trình dạy học tiểu học như: nhiệm, bản chất, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc dạy học; nội dung dạy học; phương pháp dạy học; hình thức tổ chức dạy học</p> <p>đánh giá kết quả dạy học</p> <p>- Một số vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục tiểu học như: Khái quát về quá trình giáo dục tiểu học như khái niệm, bản chất, đặc điểm, động lực, logic của quá trình giáo dục; nguyên tắc giáo dục; nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.</p>			nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi vấn đáp)
11.	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	<p>Học phần này hình thành cho sinh viên các năng lực giáo dục của người giáo viên nói chung và của người giáo viên chủ nhiệm lớp nói riêng; tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học để xây dựng môi trường giáo dục tích cực cho học sinh như: Hình thành kỹ năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong nhà trường; kỹ năng quản lý hành vi học sinh; kỹ năng hỗ trợ, tư vấn tâm lý học sinh; kỹ năng tổ chức hoạt động kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục học sinh tiểu học.</p>	2	<p>HK2</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)</p>
12.	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	<p>Học phần Giao tiếp Sư phạm của người giáo viên Tiểu học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học. Nội dung của học phần được bao gồm 4 chương: (1) Khái quát về giao tiếp</p>	2	<p>HK2</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sur phạm ở bậc tiểu học; (2) Một số nguyên tắc giao tiếp, quy tắc ứng xử và các phong cách giao tiếp sur phạm của người giáo viên Tiểu học; (3) Các kỹ năng giao tiếp sur phạm của người giáo viên Tiểu học; (4) Xử lý các tình huống sur phạm.			nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
13.	Quản lý nhà nước về giáo dục	Học phần <i>Quản lý nhà nước về giáo dục</i> thuộc khối kiến thức chung, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản quản lý nhà nước về giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; chủ trương, đường lối chính sách về phát triển và đổi mới giáo dục; Giúp người học ý thức rõ trách nhiệm của bản thân để chủ động tham gia xây dựng nền hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương, nhà trường công tác sau tốt nghiệp.	2	HK7 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
14.	Môi trường và phát triển bền vững	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên, về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên thiên nhiên liên quan đến phát triển bền vững, đồng thời cung cấp cho người học những biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Người học có thể vận dụng kiến thức môn học vào hoạt động bảo vệ môi trường.	2	HK1 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
15.	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	<i>Tiếng Việt thực hành ở tiểu học</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo các nhóm	2	HK2 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vấn đề chính: Chính tả; Dùng từ; Đặt câu; Viết đoạn văn; Xây dựng văn bản. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học.			nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
16.	Toán rời rạc	1. <i>Toán rời rạc</i> cung cấp kiến thức toán học cơ sở cho ngành học bao gồm cơ sở của lô gíc toán học, lý thuyết tập hợp, lý thuyết số, lý thuyết đếm, đại số Boole và biểu diễn hàm boole. đồng thời, giới thiệu một trong những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, đó là độ phức tạp về thời gian của thuật toán; các nguyên lý cơ bản nhất của bài toán đếm, nguyên lý Dirichlet; xây dựng được các thuật toán liệt kê; vận dụng đại số Boole và hàm Boole và biết cách biểu diễn hàm Boole theo các dạng chuẩn tắc khác nhau; xây dựng được các thuật toán trên đồ thị. Học phần sẽ góp phần học các học tiếp theo như: cấu trúc dữ liệu và giải thuật, hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	HK3 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận)
17.	Cơ sở Công nghệ ở tiểu học	Học phần này giúp học viên những tri thức mới về công nghệ điện, điện tử những thiết bị hỗ trợ dạy học ở trường tiểu học, những thiết bị điện trong đời sống hằng ngày. Môn học trang bị một cách hệ thống các kiến thức quan trọng về Điện, Điện Tử, từ những linh kiện điện tử cơ bản như: Điện Trở, Tụ điện, Cuộn cảm, Diode, Transistor lưỡng cực (BJT) đến các kiến thức để sinh viên có thể phân tích, tính toán, thiết kế mạch điện tử.	2	HK2 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18.	Xác suất và thống kê ở tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức về xác suất và thống kê, đặc biệt các tri thức về thống kê. Từ đó vận dụng vào dạy học ở tiểu học và nghiên cứu, dự đoán trong khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học sinh tiểu học nói riêng. Đồng thời là cơ sở lí luận, là công cụ hữu hiệu để xử lí số liệu thống kê trong các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường tiểu học.	2	HK2 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
19.	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học	<i>Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Các kiến thức cơ sở này thuộc một số lĩnh vực khoa học như vật lí, hóa học, sinh học và một số lĩnh vực liên ngành như: môi trường, dân số, sức khỏe,...	2	HK2 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
20.	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	Học phần <i>Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có những kiến thức cơ bản về xã hội (chủ đề Xã hội, Địa lí và Lịch sử) có liên quan đến nội dung, chương trình các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học và phương pháp dạy học môn Địa lí và Lịch sử ở tiểu học. Nội dung bao gồm 3 nhóm vấn đề chính: (1) Một số kiến thức chung về xã hội; (2) Địa lí; (3) Lịch sử.	2	HK3 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần này giới thiệu mối liên quan giữa cấu trúc dữ liệu và giải thuật, giải thuật đệ quy và ứng dụng. Học phần này cũng trang bị các nguyên lý thiết kế các cấu trúc dữ liệu cơ bản cùng với các phép toán (thao tác) trên các cấu trúc dữ liệu đó: danh sách đặc (các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp,...); danh sách liên kết đơn, kép, vòng (với các thao tác: khởi tạo, bổ sung, xóa, duyệt,...); danh sách hạn chế: ngăn xếp, hàng đợi (với các thao tác: khởi tạo, push, pop,...), cây nhị phân, cây tìm kiếm nhị phân (với các thao tác khởi tạo, duyệt, bổ sung, xóa nút...), cấu trúc bảng băm. Học phần tập trung vào việc khai thác các lớp cấu trúc dữ liệu trừu tượng của Python/C++/Java để xử lý, cài đặt các bài toán thực tế, đánh giá về hiệu năng của thuật toán trong các ứng dụng.	3	HK3 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
22.	Lập trình Python	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình Python để bước đầu làm quen với lập trình trên máy tính, làm rõ các khái niệm, nguyên lý và kỹ thuật cơ bản trong lập trình, từ đó sinh viên có thể xây dựng các chương trình để giải quyết các bài toán trong thực tiễn.	3	HK3 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
23.	Sinh lý học trẻ em	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ thể con người ở mức đại thể theo phương pháp hệ thống và các quá trình sống trong cơ thể nhằm tìm hiểu và giải thích những cơ chế điều hòa và tự điều hòa các quá trình sống để duy trì sự cân bằng, thích nghi, tồn tại và phát triển của hệ thống sống.	2	HK1 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học có thể vận dụng kiến thức môn học vào việc bảo vệ cơ thể.			nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành/TN)
24.	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	Học phần gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.	2	HK3 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
25.	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.	2	HK2 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
26.	<i>Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học</i>	Học phần <i>Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học</i> trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học. Đây là học phần giúp sinh viên tiểu học có những hiểu biết cơ bản về cách	2	HK6 20 tiết lý thuyết	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>thức giáo dục cho học sinh khuyết tật trong trường tiểu học. Học phần sẽ trình bày những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: khái niệm, nguyên nhân khuyết tật, phân loại, các mô hình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật. - Tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ, ngôn ngữ, vận động, tự kỷ. - Hỗ trợ giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học: xây dựng vòng tay bạn bè, xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng 		10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
27.	Công nghệ phần mềm	<p>Học phần giúp trang bị kiến thức chung để xây dựng một phần mềm đơn giản từ việc thu thập yêu cầu đến việc lập kế hoạch, phân tích và thiết kế, xây dựng và thử nghiệm phần mềm. Học phần giúp sinh viên không chỉ thực hành tạo ra chương trình phần mềm có chất lượng phục vụ dạy học tin học tiểu học, mà còn biết khai thác các công cụ hỗ trợ quản lý trong một dự án phần mềm.</p>	2	<p>HK3</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)</p>
28.	Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	<p>Học phần <i>Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Học phần giới thiệu những nét khái quát về nghề dạy học, những phẩm chất, đạo đức và năng lực cần có của một người giáo viên Tin học và Công nghệ ở trường tiểu học, đồng thời</p>	2	<p>HK1</p> <p>20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học</p>	<p>Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có những trải nghiệm ban đầu về nghề nghiệp tương lai từ đó định hướng, hình thành cho sinh viên động cơ, hứng thú, thái độ học tập đúng đắn. Nội dung bao gồm 4 vấn đề chính: (1) Một số lý luận về nghề dạy học và ngành Tin học và Công nghệ; (2) Đạo đức người giáo viên tiểu học; (3) Công tác của người giáo viên ở trường tiểu học; (4) Các kỹ năng nền tảng sử dụng trong học tập ở đại học.			Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành/tiểu luận)
29.	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học SP Tin học và CN trong các trường tiểu học để thấy rõ: các giai đoạn thực hiện một đề tài nghiên cứu; cách viết đề cương nghiên cứu; cách thiết kế nghiên cứu; cách thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu bằng công cụ thống kê toán học; cách giải quyết những vấn đề, tồn tại, cách thức tác động sư phạm trong hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học. Nghiên cứu khoa học sư phạm là một phần trong phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.	3	HK3 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành/tiểu luận)
30.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để quản trị cơ sở dữ liệu. Học phần gồm 4 chương. Chương 1 giới thiệu về nguyên lý hoạt động, vai trò, chức năng và các thành phần của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu; các kiến thức cơ bản về các hệ thống cơ sở dữ liệu hiện đại. Chương 2, 3 trình bày về các mô hình dữ liệu và ngôn ngữ SQL. Chương cuối là các nội dung liên quan chuẩn hóa lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ.	3	HK4 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
31.	Lập trình Scratch	Scratch là môi trường giáo dục thú vị dựa trên trò chơi, nơi mà học sinh học lập trình bằng	3	HK6	Kiểm tra thường xuyên: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngôn ngữ lập trình thực tế, không yêu cầu có kiến thức/ kinh nghiệm lập trình trước đó. Scratch là giải pháp trực tuyến mới, mang đến cho nhà trường những cơ hội thuận lợi để học sinh tiếp xúc với chương trình lập trình máy tính hiện đại nhất, như hàng nghìn học sinh khác trên thế giới. Học phần này giúp SV lập trình “kéo thả” với phần mềm Scratch, SV có thể sử dụng phần mềm này vào xử lý đồ họa, animation, bài học, bài giảng, mô phỏng kiến thức, trình diễn, sách điện tử, trò chơi, ... đồng thời học phần còn giúp cho SV thiết kế được các chương trình đơn giản theo yêu cầu của người khác; lập trình được các trò chơi; phát triển tư duy máy tính, khoa học máy tính, rất phù hợp với nhà trường trong chương trình giáo dục phổ thông mới.		30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	(chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
31	Mạng máy tính và internet	Cung cấp các kiến thức căn bản, cần thiết về mạng máy tính: phân loại mạng máy tính, các thành phần cơ bản của mạng máy tính, các thiết bị kết nối mạng. Phân tích các kỹ thuật và công nghệ trong mô hình kết nối hệ thống mở OSI, trong mạng LAN, mô hình TCP/IP và một số dịch vụ trên mạng Internet. Tìm hiểu những vấn đề cơ bản trong mạng máy tính. Trang bị khả năng cài đặt, kết nối và quản trị mạng LAN.	3	HK5 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
32	Lập trình game học tập	Học phần này cung cấp cho SV những khái niệm về trò chơi. Lập trình điều khiển Game học tập bằng phần mềm Scratch; Lịch sử phát triển ngành công nghệ game, các dạng game chính trên thế giới; Cách thức xây dựng một đề án game. Xây dựng quy trình thiết kế Game học tập. Xây dựng các trò chơi và thiết kế	3	HK5 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		game hỗ trợ trong dạy học tiểu học. Học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất cho việc xây dựng một ứng dụng game. Qua đó giúp cho sinh viên có thể tự định hướng và xây dựng các ứng dụng game của riêng mình.			nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
33	Công nghệ đa phương tiện	Đa phương tiện hay Multimedia là tổ hợp của các phương tiện truyền thông riêng lẻ (âm thanh, hình ảnh, đồ họa, video, văn bản,...) nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động truyền thông. Sự thành công của những "siêu phẩm" như bộ phim Avatar, điện thoại iPhone của Apple, mạng xã hội Facebook, website chia sẻ video YouTube, những đoạn quảng cáo của Heneiken,... là những minh chứng rất thuyết phục về giá trị của những sản phẩm đa phương tiện, nơi hội tụ tinh hoa của nhiều ngành dọc trong cả hai lĩnh vực kỹ thuật và nghệ thuật. Học phần này nhằm giúp SV biết về ngành đa phương tiện đồng thời xử lí đa phương tiện như âm thanh, hình ảnh, Video bằng một số phần mềm mã nguồn mở thông dụng.	2	HK6 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
34	Thiết kế web	Học phần trình bày phương pháp thiết kế và lập trình tạo Website động với ngôn ngữ kịch bản PHP và hệ quản trị CSDL MySQL. Thông qua môn học, sinh viên nắm bắt được kiến thức nền tảng để phân tích, thiết kế và xây dựng Website. Dựa vào lý thuyết và các bài thực hành được hướng dẫn cụ thể, sinh viên áp dụng các kỹ thuật để xây dựng Website ứng dụng đáp ứng các bài toán thực tế.	2	HK6 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
35	Thiết kế bài giảng	Học phần này cung cấp các khái niệm cơ bản e-Learning, các quy trình thiết kế bài giảng e-	3	HK7	Kiểm tra thường xuyên: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Elearning và website dạy học trực tuyến	Learning và một số phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử e-Learning. Học phần còn trang bị cho SV những kiến thức về bài giảng điện tử và kết hợp các phương pháp dạy học nhằm vận dụng các phần mềm vào thiết kế bài giảng giúp SV trong quá trình giảng dạy sau khi ra trường.		30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	(chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
36	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	<i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học</i> là một học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học.	2	HK7 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành/tiểu luận)
37	Công nghệ và đời sống	Học phần này giúp SV có được những tri thức môi trường tự nhiên và môi trường sống, về công nghệ; những kiến thức, cách sử dụng những thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình; an toàn khi sử dụng các thiết bị và sản phẩm công nghệ trong gia đình.	3	HK3 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Kỹ thuật trồng trọt	Học phần giới thiệu cho sinh viên về lịch sử, phân loại, vai trò, giá trị kinh tế của cây trồng và những kiến thức chung về nguyên lý cơ bản của kỹ thuật trồng trọt, như: nước với cây trồng; đất và phân bón; quản lý dịch hại cây trồng; Nhân giống cây trồng; các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng; thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch; kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao. Từ đó, sinh viên sẽ được học những kiến thức sâu hơn về các nhóm hoa, cây cảnh trong đời sống, như: nhóm cây hoa họ hồng; nhóm cây hoa họ cúc; nhóm cây hoa lay ơn; nhóm cây hoa lan; nhóm cây ho mai và nhóm cây quất cảnh. Học phần này, sinh viên được thực hiện dự án về trồng và chăm sóc hoa – cây cảnh.	2	HK4 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
39	Thiết kế công nghệ	Học phần <i>Thiết kế công nghệ</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về thủ công, kỹ thuật cụ thể là kỹ thuật gia công giấy bìa, kỹ thuật làm đồ chơi và kỹ thuật lắp ghép mô hình. Nội dung môn học gồm 2 chương: Chương 1: Thủ công sản phẩm thủ công Chương 2: Thiết kế mô hình kỹ thuật	3	HK4 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
40	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Tin học và Công nghệ Tiểu học những kiến thức cơ bản về Giáo dục STEM: các khái niệm, hình thức tổ chức Giáo dục STEM, điều kiện triển khai, bài học STEM, thiết kế bài học STEM, tổ chức thực hiện bài học STEM và các tiêu chí đánh giá bài học STEM ở trường tiểu học.	4	HK4 45 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 120 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành/tiểu luận)
41	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	<p>Học phần <i>Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học</i> là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về nội dung môn Công nghệ ở tiểu học, phương pháp dạy học, phương tiện, hình thức và kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Công nghệ ở tiểu học.</p> <p>Nội dung học phần gồm các chương sau: Chương 1. Giới thiệu chung về môn PPDH Công nghệ ở tiểu học Chương 2: Khái quát môn Công nghệ ở tiểu học Chương 3: Các phương pháp dạy học môn Công nghệ ở tiểu học Chương 4: Các phương tiện và hình thức tổ chức dạy học trong môn Công nghệ ở tiểu học Chương 5: Kiểm tra, đánh giá trong môn Công nghệ ở tiểu học Chương 6: Hướng dẫn dạy học môn Công nghệ ở tiểu học</p>	4	HK5 45 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 120 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
42	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	<p>Học phần này giúp SV những tri thức mới nhằm mục đích dạy học sinh cách tư duy, dạy các kỹ năng phục vụ cuộc sống. Những phương pháp dạy học bộ môn tin học định hướng phát triển năng lực, phân tích chương trình tin học ở tiểu học. Rèn luyện cho SV phương pháp dạy và tổ chức dạy học môn học ở bậc tiểu học.</p>	4	HK5 45 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 120 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
43	Phương pháp dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	<i>Phương pháp dạy học tự nhiên – xã hội ở tiểu học</i> là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về lí luận dạy học các môn về tự nhiên và xã hội, rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Cùng với học phần <i>Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Xã hội 1 ở tiểu học</i> , <i>Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Xã hội 2 ở tiểu học</i> góp phần hình thành cho sinh viên năng lực dạy học các môn về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học.	2	HK7 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
44	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá PC, NL học sinh ở trường tiểu học. Hình thành cho SV những kĩ năng cơ bản trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, PC, NL học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên. Nội dung cụ thể đề cập đến: - Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập; ĐG PC, NL - Đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học: Mục đích đánh giá; nguyên tắc đánh giá; Quy trình đánh giá; Kỹ thuật đánh giá; Yêu cầu đối với việc đánh giá học sinh tiểu học... - Nội dung và cách thức đánh giá...	2	HK7 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về phân tích chương trình môn học, bao gồm đặc điểm, cấu trúc, dụng ý sư phạm của nội dung kiến thức cần dạy, kỹ năng phân tích chương trình môn học; chương trình, các loại chương trình, quy trình phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học. Từ đó thực hành phát triển chương trình môn học bổ sung vào nội dung giáo dục địa phương, nhà trường trong giáo dục toàn diện đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học. Không những thế, học phần còn góp phần hình thành cho SV năng lực phân tích và phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.	2	HK7 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành/tiểu luận)
46	Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học	Học phần <i>Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học</i> là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về thủ công nhằm giúp cho sinh viên thực hiện kỹ thuật gia công giấy bìa, kỹ thuật làm đồ chơi. Nội dung môn học gồm 3 chương: Chương 1: Kỹ thuật gia công giấy bìa Chương 2: Kỹ thuật tạo hình bằng xếp bitis Chương 3: Kỹ thuật tạo hình bằng vật liệu khác	2	HK4 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
47	Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh	Học phần này giới thiệu cho sinh viên về: vai trò, phân loại và khái quát các vùng trồng hoa-cây cảnh; các ứng dụng của công nghệ sinh học như công tác chọn giống, công nghệ nuôi cấy mô, công nghệ quản lý dịch hại, công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học nhằm chăm sóc hoa-cây cảnh...; ứng dụng dụng công nghệ cao trong sử dụng quy trình thiết bị như công nghệ trồng hoa trong nhà kính, công nghệ tưới	3	HK5 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhỏ giọt...; ứng dụng công nghệ thông tin như các thiết bị tự động hóa điều khiển tưới tiêu, phân bón, độ ẩm nhiệt độ, công nghệ thông tin trong E-nông nghiệp, E-learning cho nông dân trồng hoa-cây cảnh. Học phần Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh, sinh viên được thực hiện dự án về trồng và chăm sóc hoa – cây cảnh sử dụng công nghệ sinh học.			Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
48	<i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i>	Học phần <i>Giáo dục kỹ năng sống ở tiểu học</i> là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học như Công nghệ, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học và các hoạt động giáo dục ở nhà trường để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh. Học phần <i>Giáo dục kỹ năng sống ở tiểu học</i> gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, (2) Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học.	2	HK2 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành/tiểu luận)
49	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i>	<i>Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học</i> là học phần tự chọn bắt buộc, thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, nhằm trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ; nội dung, các hình thức, phương pháp sinh hoạt chuyên môn (SHCM) của tổ chuyên môn ở trường tiểu học. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, quy trình SHCM dựa trên nghiên cứu bài học hướng đến phát triển năng lực đội ngũ giáo	2	HK7 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên, từ đó ứng dụng vào việc lập kế hoạch và tổ chức buổi SHCM hiệu quả.			50% (thi tự luận/thực hành)
50	<i>Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin</i>	Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, nền tảng cho người học về kỹ năng thu thập, khai thác, lưu trữ, sử dụng và chia sẻ thông tin hiệu quả. Học phần gồm 5 chương. Chương 1 trình bày tổng quan về internet và các dịch vụ, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục trên môi trường internet. Chương 2 đề cập đến các vấn đề liên quan đến tài nguyên giáo dục mở - một nguồn tài nguyên ngày càng đa dạng và phong phú. Các chương còn lại của học phần giúp người học thực hiện được các kỹ năng tìm kiếm, trích chọn cũng như lưu trữ, chia sẻ thông tin qua bộ công cụ gồm tập hợp các ứng dụng hỗ trợ các công việc trên.	2	HK4 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 00 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
51	<i>Lập trình robot</i>	Học phần này cung cấp cho SV những khái niệm lập trình phần mềm: lập trình tuần tự, lặp, lặp có điều kiện, gỡ lỗi chương trình phần mềm. Lập trình điều khiển Robot bằng phần mềm Anduino. Ứng dụng các phần mềm để xây dựng và thiết kế Robot hỗ trợ trong dạy học tiểu học	3	HK6 30 tiết lý thuyết 15 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
52	<i>Mã nguồn mở trong giáo dục</i>	Học phần trang bị cho người học kiến thức về mã nguồn mở, cách thức cài đặt sử dụng các dịch vụ của hệ điều hành mã nguồn mở. Sinh viên nắm được các kiến thức về ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu mySQL và	2	HK5 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các kỹ thuật để kết nối cơ sở dữ liệu và lập trình hướng đối tượng, cách xây dựng trang web động sử dụng PHP.		60 tiết tự học	kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
53	<i>Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học</i>	Học phần “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học” hướng dẫn người học xây dựng các loại kế hoạch dạy học và giáo dục cụ thể là: Giới thiệu về kế hoạch giáo dục của nhà trường mà trọng tâm là khung kế hoạch thời gian thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học làm căn cứ để các tổ chuyên môn, các giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, của cá nhân; hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục); hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân; hướng dẫn xây dựng, phát triển kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.	2	HK6 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
54	<i>Dạy học tích hợp ở tiểu học</i>	<i>Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học</i> là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và phương pháp dạy học theo quan điểm tích hợp, đặc biệt là phương pháp và kỹ năng dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.	2	HK7 20 tiết lý thuyết 10 tiết thực hành/thảo luận 60 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					luận/thực hành/tiểu luận)
55	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	Học phần <i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên một số thông tin cơ bản về nghiệp vụ sư phạm và góp phần rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản như: kỹ năng tìm hiểu các vấn đề về trường tiểu học, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tiếng Việt, kỹ năng sử dụng và thiết kế đồ dùng dạy học, kỹ năng thiết kế bài dạy các môn học ở tiểu học, kỹ năng tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học, kỹ năng kiểm tra đánh giá các môn học ở tiểu học, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học.	3	HK6 15 tiết lý thuyết 30 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
56	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	Học phần <i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên một số thông tin nâng cao về nghiệp vụ sư phạm và góp phần rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng thành thạo về công nghệ thông tin góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp ở mức thuần thực gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học.	3	HK6 15 tiết lý thuyết 30 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tự luận/thực hành)
57	Kiến tập sư phạm	Học phần <i>Kiến tập sư phạm</i> là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức kiến tập và khóa luận Sư phạm dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu	2	HK7	Trường tiểu học ĐG sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học. Nội dung bao gồm: sinh viên có 3 tuần ở trường tiểu học dưới sự hướng dẫn của giáo viên tiểu học. Bên cạnh đó, sinh viên còn tham gia các hoạt động của trường tiểu học: tìm hiểu về trường, tìm hiểu về hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh, dự giờ chuyên môn và chủ nhiệm lớp.			
58	Thực tập sư phạm	<p>Học phần Thực tập sư phạm có nội dung học tập gắn liền lí luận với thực tiễn, tạo điều kiện cho giáo sinh có cơ hội thực tập giảng dạy trong vai trò người giáo viên thực sự. Giáo sinh được thực hành tất cả các nhiệm vụ cần thiết của GV, từ chuẩn bị giáo án, cơ sở vật chất phục vụ bài học đến tổ chức hoạt động học tập cũng như đánh giá kết quả học tập của học sinh. Tất cả các khâu của quá trình dạy học được mỗi giáo sinh thực hiện nhằm giúp phát triển các năng lực cần thiết của người GV; từ đó tạo dựng tình cảm nghề nghiệp ở người giáo sinh, củng cố và phát triển niềm tin vào công việc dạy học nên giáo sinh cần tham dự và thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần Thực tập sư phạm.</p> <p>Đặc thù của học phần Thực tập sư phạm là hình thành cho giáo sinh hệ thống kĩ năng của nghề dạy học nói chung và dạy học Tin học và Công nghệ nói riêng thông qua hoạt động thực tiễn tại trường tiểu học. Do đó, trong quá trình tạo lập kĩ năng, giáo sinh phải có khả năng làm việc độc lập, phân tích và tư duy phản biện để vận dụng vào quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học; trên cơ sở đó mà phân chia thời gian luyện tập một cách thích hợp.</p>	4	HK8	Trường tiểu học ĐG SV
59	Khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp là học phần sinh viên thực hiện nghiên cứu đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Mục đích giúp sinh viên có	6	HK8	Báo cáo KLTN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điều kiện nghiên cứu chuyên sâu những vấn đề lí luận của chuyên ngành, vận dụng lí thuyết để giải quyết vấn đề thực tiễn, đồng thời phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học. Nội dung của học phần hướng sinh viên vào việc lựa chọn đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.			
60	<i>Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học</i>	Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Tin học và Công nghệ Tiểu học những kiến thức cơ bản về thiết kế chủ đề dạy học STEM: các khái niệm, hình thức tổ chức dạy học theo chủ đề STEM, điều kiện triển khai, tổ chức thực hiện chủ đề dạy học STEM và các tiêu chí đánh giá chủ đề dạy học STEM ở trường tiểu học.	3	HK8 0 tiết lý thuyết 45 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiêu luận/thực hành)
61	<i>Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Công nghệ ở tiểu học</i>	Học phần <i>Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học</i> giúp cho người học khắc sâu những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm môn học, bước đầu hình thành những kỹ năng nghiên cứu cơ bản cho người giáo viên ở trường tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.	3	HK8 0 tiết lý thuyết 45 tiết thực hành/thảo luận 90 tiết tự học	Kiểm tra thường xuyên: 20% (chuyên cần và thái độ học tập) kiểm tra định kỳ: 30% (bài tập nhóm và bài cá nhân) Kiểm tra kết thúc học phần: 50% (thi tiêu luận/thực hành)

3. Thạc sĩ Lí luận và PPDH bộ môn Toán

3.1. Định hướng ứng dụng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Triết học	Triết học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học cho học viên; giúp HV có cách nhìn toàn diện về vai trò của triết học trong đời sống xã hội từ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa; bên cạnh đó, học phần trang bị kiến thức về quy luật vận hành của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử giúp HV nhận thức được quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là tất yếu khách quan. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, người học sẽ được trang bị sâu sắc hơn về thế giới quan duy vật và phương pháp tư duy biện chứng khi đi vào nghiên cứu vấn đề chuyên môn.	4	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
2	Lí luận dạy học hiện đại	Học phần này cung cấp các khái niệm chung, hiểu biết về các lí thuyết học tập, mô hình và chiến lược quan trọng liên quan đến quá trình tổ chức học tập, vai trò của giáo viên và HS, tác động của môi trường lớp học tương tác đối với việc học tập hiện đại. Từ đó, giúp cho người học kể cả là các giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy hoặc chưa có kinh nghiệm giảng dạy có được nền tảng để vận dụng vào việc học tập hiệu quả các học phần chuyên sâu trong lĩnh vực lí luận và phương pháp DH bộ môn, cũng như áp dụng vào thực tiễn DH một cách hiệu quả.	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục giúp HV có kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu khoa học giáo dục, đây là học phần bắt buộc cần trang bị cho HV trước khi HV làm các tiểu luận của các học phần cũng như thực hiện luận văn tốt nghiệp. Học phần giới thiệu chung về nghiên cứu khoa học; tổng quan tình hình nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu; phát triển khung lí thuyết, khung khái niệm và khung phân tích; nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng; phương pháp khảo sát, phương pháp thử nghiệm; thiết kế nghiên cứu tổng thể; xử lí và phân tích dữ	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		liệu định lượng cho nghiên cứu; hướng dẫn HV viết đề cương nghiên cứu và báo cáo nghiên cứu.			
4	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	Học phần này tập trung trang bị cho HV các chiến lược DH thông qua việc lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp, kỹ thuật DH đối với việc triển khai các HĐ DH, HĐ giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực người học. Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề chung của DH phát triển phẩm chất, năng lực; Các chiến lược DH, giáo dục cơ bản như: Chiến lược thu nhận và xử lý thông tin từ học liệu, chiến lược học tập hợp tác, chiến lược tổ chức cho HS trình bày báo cáo và viết; chiến lược phản hồi và phát triển tư duy phản biện; chiến lược hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt; Cơ sở lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật DH; Quy trình lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật DH phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
5	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	Học phần này giúp cho người học cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên sâu về KTĐG trong giáo dục, hình thành cho họ những kỹ năng trong đánh giá kết quả học tập của người học; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo có tinh thần trách nhiệm, trung thực và những phẩm chất, năng lực cần thiết của người giảng viên.	3	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
6	Phát triển chương trình giáo dục	Học phần trang bị cho HV các khái niệm nền tảng về chương trình, phát triển chương trình giáo dục, quy trình phát triển chương trình giáo dục, phát triển chương trình giáo dục nhà trường, chương trình giáo dục môn học cụ thể theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS. Qua đó nâng cao được năng lực nghề nghiệp, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018.	3	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
7	Dạy học số	DH trong thế kỉ 21 là quá trình kết nối giữa: Các HĐ hướng tới thực hiện nhiệm vụ (mục tiêu) của người dạy và người học; Các HĐ tương tác giữa người dạy và người học, người học với nhau để thực hiện một nhiệm vụ mang tính xác thực (Authentic task), có tính gắn kết và giải quyết được một số vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Nội dung trong học phần tập trung 4 vấn đề chính, đó là: (1) Công nghệ DH trong thế kỉ XXI; (2) Các công cụ hỗ trợ DH số; (3)	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		Số hoá nội dung trong DH số; (4) Ứng dụng công nghệ số vào tổ chức và DH.			
8	Lí luận và phương pháp dạy học toán nâng cao ở trường trung học	Học phần không chỉ cung cấp cho HV những lí luận chuyên sâu về phương pháp DH toán, KTĐG HS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS ở trường trung học mà còn nâng cao năng lực tổ chức các HĐ DH toán đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nội dung của học phần bao gồm: DH toán theo hướng tiếp cận năng lực; DH toán theo xu hướng tích hợp; hợp tác và một số xu hướng DH toán hiện đại; KTĐG kết quả học tập của HS trung học theo hướng phát triển PC, NL.	4	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
9	Phát triển năng lực tư duy thông qua dạy học toán ở trường trung học	Học phần Phát triển năng lực tư duy thông qua DH môn Toán ở trường trung học thuộc học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp cho HV các năng lực tư duy cần phát triển cho người học khi DH môn Toán ở các cấp học khác nhau, ở trường trung học nói riêng	2	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
10	Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học	Nội dung chính của học phần bao gồm: Tiếp cận trải nghiệm trong giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực HS; Khái quát về HĐ trải nghiệm ở trường trung học; Xây dựng và tổ chức các chủ đề HĐ trải nghiệm ở trường trung học; Đánh giá kết quả tổ chức các chủ đề HĐ trải nghiệm; Phối hợp các lực lượng giáo dục trong tổ chức các chủ đề HĐ trải nghiệm ở trường trung học.	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
11	Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường	Học phần trang bị cho HV các kiến thức cơ bản về những vấn đề đổi mới quản lý giáo dục nói chung, quản trị nhà trường phổ thông nói riêng, từ đó vận dụng vào hoạt động dạy học của môn học cụ thể đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, phù hợp với bối cảnh thực tiễn của đơn vị, đồng thời có năng lực cơ bản để tham gia quản trị nhà trường từ cấp tổ trưởng chuyên môn trở lên.	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
12	Quản lí lớp học hiệu quả	Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản, khoa học về quản lí lớp học hiệu quả. Trên cơ sở đó, học phần cung cấp cho người học khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản lí lớp học, các chiến lược quản lí lớp học hiệu quả, quản lí hành vi học tập của HS trong lớp học và đổi mới	2	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		phương pháp quản lí lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực			
13	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	<p>Nội dung học phần bao gồm các vấn đề chung như đối tượng, nhiệm vụ, các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Trọng tâm của học phần là các xu hướng nghiên cứu và các nghiên cứu so sánh trên từng thành phần thiết yếu của giáo dục. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học giáo dục. Thông qua học phần này người học sẽ được trang bị sâu sắc về tư duy khoa học giáo dục và phương pháp luận giải quyết các vấn đề phát triển giáo dục một cách tổng thể trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội nói chung, hình thành động lực thay đổi trong giáo dục và tìm kiếm những mô hình thay đổi chung giữa các quốc gia.</p> <p>Học phần cung cấp sự chuẩn bị nâng cao cho các nghề nghiệp chuyên môn trong một loạt các vị trí giảng dạy, hoạch định chính sách, quản trị và nghiên cứu.</p>	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
14	<i>Công nghệ giáo dục</i>	<p>Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về lĩnh vực Công nghệ DH với tư cách như một ngành khoa học, bao gồm: Quan điểm công nghệ trong DH (DH được coi là một công nghệ), các yếu tố cơ bản của công nghệ DH (Phương pháp, phương tiện, kĩ năng); Nhận biết cách con người học để thiết kế các phương tiện và hệ thống giảng dạy phù hợp; sử dụng công nghệ trong giảng dạy; Thiết kế phương tiện, đề xuất phương pháp giảng dạy xung quanh các lí thuyết học tập; Đánh giá các phương tiện, hình thức giảng dạy dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông; Nhận biết sự thay đổi của công nghệ, quá trình sản xuất dẫn đến sự thay đổi trong quá trình đào tạo; Phát triển môi trường học tập hiệu quả bằng cách sử dụng các công nghệ đào tạo mới nhất trong các tổ chức giáo dục.</p>	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
15	<i>Phương pháp giải toán Đại số</i>	Học phần này trình bày một số phương pháp giải toán đại số và giải tích nâng cao để bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông.	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1

	<i>và Giải tích nâng cao</i>	Các phương pháp giải toán đại số và giải tích nâng cao được trình bày từ lí thuyết tổng quát đến các ví dụ cụ thể minh họa cho các nội dung trọng điểm bồi dưỡng học sinh giỏi toán.			- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
16	<i>Phương pháp giải toán Hình học nâng cao</i>	<p>Nghiên cứu phương pháp giải toán Hình học nâng cao là môn học bắt buộc trong quy trình đào tạo giáo viên toán tại các trường đại học. Chương trình của môn học gồm 2 phần: Cơ sở khoa học của phương pháp giải toán Hình học nâng cao và Thực hành dạy học môn hình học ở THPT.</p> <p>Cụ thể, môn học cung cấp cho người học tổng quan về nội dung dạy học môn Hình học THPT, làm rõ cơ sở khoa học của việc lựa chọn nội dung, và lí giải đặc điểm cấu trúc của nội dung môn Hình học theo hai chương trình SGK hiện hành; Nêu và phân tích cơ sở khoa học của việc lựa chọn các phương pháp dạy học các bài toán Hình học nâng cao, làm rõ bản chất của từng phương pháp được vận dụng trong dạy học giải toán hình học ở THPT; Dạy người học cách học, cách vận dụng linh hoạt, sáng tạo các PPDH môn hình học trong các tình huống dạy học giải toán; Trang bị cơ sở khoa học và rèn luyện các kĩ năng cụ thể cho người học trong tổ chức điều khiển quá trình dạy học giải các bài toán hình học nâng cao; Trang bị các cơ sở khoa học và từ đó có thể tích hợp, vận dụng và PTDH, CNTT-TT trong dạy học học phần Hình học nâng cao.</p> <p>Môn học còn cung cấp cho người học một số kinh nghiệm dạy học giải các bài toán hình học nâng cao trong việc thiết kế bài giảng toán, rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề cho học sinh THPT.</p>	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

17	<i>Cơ sở toán học hiện đại của việc dạy học toán ở trường trung học</i>	<p>Học phân trang bị cho người học những kiến thức về toán học hiện đại như tập hợp, ánh xạ, logic toán, cấu trúc đại số, không gian tôpô, không gian metric và các phép biến hình nhằm soi sáng kiến thức toán phổ thông, giúp người học biết cách vận dụng những kiến thức toán ở bậc đại học để lí giải các nội dung toán ở phổ thông, góp phần nâng cao năng lực hiểu biết toán cho người học. Trong mỗi nội dung đều có cấu trúc gồm hai phần, phần hệ thống hóa kiến thức toán học hiện đại và phần liên hệ của kiến thức toán phổ thông với toán cao cấp. Học phần này là một trong những học phần chuyên ngành bắt buộc giúp cho người học có nền tảng vững chắc và nhìn nhận nội dung DH Toán phổ thông một cách thống nhất.</p>	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
18	<i>Phát triển ngôn ngữ toán học cho học sinh trung học</i>	<p>Chuyên đề giúp HV có hệ thống biện pháp giúp HS trung học phổ thông bồi dưỡng vốn tri thức về cú pháp và ngữ nghĩa, bao gồm củng cố từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, bồi dưỡng năng lực chuyển đổi trong nội bộ một ngôn ngữ, chuyển đổi từ NNTH này sang NNTH. Chuyên đề cũng giúp HV có phương pháp luyện tập cho HS sử dụng NNTH trong các tình huống DH điển hình như: DH khái niệm - định lí, DH quy tắc - phương pháp và DH giải toán); giúp HV biết cách sử dụng các biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp toán học cho HS trung học phổ thông như: nghe, nói, đọc, viết; phát triển NNTH cho HS thông qua các phương pháp DH tích cực: phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi và phương pháp làm việc nhóm</p>	2	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
19	<i>Phát triển năng lực phán đoán và lập luận trong dạy học toán ở trường trung học</i>	<p>Học phần giúp HV phân tích một số vấn đề về DH theo hướng phát triển năng lực phán đoán và lập luận có căn cứ bao gồm: Các khái niệm, các biểu hiện cơ bản và phạm vi sử dụng, xây dựng các biện pháp thực hiện. HV thực hành vận dụng vào thiết kế kế hoạch bài dạy phát triển các năng lực: phán đoán, lập luận có căn cứ, giải quyết vấn đề theo chương trình GDPT 2018.</p> <p>Ngoài ra, học phần này còn tạo điều kiện để HV phát triển kĩ năng sử dụng tiếng</p>	2	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		Anh và kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập, nghiên cứu tài liệu và thực hành vận dụng.			
20	<i>Phát triển năng lực suy luận thống kê cho học sinh trung học</i>	Suy luận toán học nói chung, suy luận thống kê nói riêng có một vị trí khá quan trọng trong DH toán phát triển năng lực HS. DH phát triển năng lực suy luận thống kê cho HS là xu hướng mới trên thế giới, phù hợp với đổi mới giáo dục môn Toán 2018. Học phần bao gồm các nội dung sau: Sơ lược về Khoa học thống kê; Suy luận thống kê, mô hình suy luận thống kê; năng lực suy luận thống kê; phương pháp DH phát triển năng lực suy luận thống kê cho HS trung học.	2	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
21	Thực tập	Học phần tạo cơ hội cho học viên phát hiện thực trạng trong thực tiễn giáo dục và dạy học; triển khai thử nghiệm và đánh giá việc sử dụng các PP&KT dạy học hiện đại, tiên tiến; chủ trì các hoạt động học thuật, sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp; triển khai chương trình giáo dục địa phương, nhà trường; ứng dụng CNTT trong đổi mới dạy học; thể hiện tác phong, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng.	6	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
22	Đồ án tốt nghiệp	Đồ án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kĩ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành Lí luận và PPDH bộ môn Toán để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn quản lí, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục.	9	HK4	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

3.2. Định hướng nghiên cứu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Triết học	Triết học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học cho học viên; giúp HV có cách nhìn toàn diện về vai trò của triết học trong đời sống xã hội từ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa; bên cạnh đó, học phần trang bị kiến thức về quy luật vận hành của các hình thái	4	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		kinh tế - xã hội trong lịch sử giúp HV nhận thức được quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là tất yếu khách quan. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, người học sẽ được trang bị sâu sắc hơn về thế giới quan duy vật và phương pháp tư duy biện chứng khi đi vào nghiên cứu vấn đề chuyên môn.			
2	Lí luận dạy học hiện đại	Học phần này cung cấp các khái niệm chung, hiểu biết về các lí thuyết học tập, mô hình và chiến lược quan trọng liên quan đến quá trình tổ chức học tập, vai trò của giáo viên và HS, tác động của môi trường lớp học tương tác đối với việc học tập hiện đại. Từ đó, giúp cho người học kể cả là các giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy hoặc chưa có kinh nghiệm giảng dạy có được nền tảng để vận dụng vào việc học tập hiệu quả các học phần chuyên sâu trong lĩnh vực lí luận và phương pháp DH bộ môn, cũng như áp dụng vào thực tiễn DH một cách hiệu quả.	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục giúp HV có kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu khoa học giáo dục, đây là học phần bắt buộc cần trang bị cho HV trước khi HV làm các tiểu luận của các học phần cũng như thực hiện luận văn tốt nghiệp. Học phần giới thiệu chung về nghiên cứu khoa học; tổng quan tình hình nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu; phát triển khung lí thuyết, khung khái niệm và khung phân tích; nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng; phương pháp khảo sát, phương pháp thử nghiệm; thiết kế nghiên cứu tổng thể; xử lí và phân tích dữ liệu định lượng cho nghiên cứu; hướng dẫn HV viết đề cương nghiên cứu và báo cáo nghiên cứu.	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
4	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	Học phần này tập trung trang bị cho HV các chiến lược DH thông qua việc lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp, kĩ thuật DH đối với việc triển khai các HĐ DH, HĐ giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực người học. Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề chung của DH phát triển phẩm chất, năng lực; Các chiến lược DH, giáo dục cơ bản như: Chiến lược thu nhận và xử lí thông tin từ học liệu, chiến lược học tập hợp tác, chiến lược tổ	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		chức cho HS trình bày báo cáo và viết; chiến lược phản hồi và phát triển tư duy phản biện; chiến lược hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt; Cơ sở lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật DH; Quy trình lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật DH phát triển phẩm chất, năng lực người học			
5	Dạy học số	DH trong thế kỉ 21 là quá trình kết nối giữa: Các HĐ hướng tới thực hiện nhiệm vụ (mục tiêu) của người dạy và người học; Các HĐ tương tác giữa người dạy và người học, người học với nhau để thực hiện một nhiệm vụ mang tính xác thực (Authentic task), có tính gắn kết và giải quyết được một số vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Nội dung trong học phần tập trung 4 vấn đề chính, đó là: (1) Công nghệ DH trong thế kỉ XXI; (2) Các công cụ hỗ trợ DH số; (3) Số hoá nội dung trong DH số; (4) Ứng dụng công nghệ số vào tổ chức và DH.	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
6	Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ thuật chuyên sâu trong nghiên cứu, phân tích kết quả nghiên cứu về toán theo hướng định tính và định lượng.	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
7	<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>	Học phần trang bị những kiến thức chuyên sâu về NL, các thành tố NL, đánh giá NL cũng như dạy học toán phát triển NL cho học sinh	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
8	<i>Lí luận và phương pháp dạy học toán nâng cao ở trường trung học</i>	Học phần không chỉ cung cấp cho HV những lí luận chuyên sâu về phương pháp DH toán, KTĐG HS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS ở trường trung học mà còn nâng cao năng lực tổ chức các HĐ DH toán đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nội dung của học phần bao gồm: DH toán theo hướng tiếp cận năng lực; DH toán theo xu hướng tích hợp; hợp tác và một số xu hướng DH toán hiện đại; KTĐG kết quả học tập của HS trung học theo hướng phát triển PC, NL.	3	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

9	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	Nội dung chính của học phần bao gồm: Tiếp cận trải nghiệm trong giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực HS; Khái quát về HĐ trải nghiệm ở trường trung học; Xây dựng và tổ chức các chủ đề HĐ trải nghiệm ở trường trung học; Đánh giá kết quả tổ chức các chủ đề HĐ trải nghiệm; Phối hợp các lực lượng giáo dục trong tổ chức các chủ đề HĐ trải nghiệm ở trường trung học.	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
10	<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	Học phần trang bị cho HV các kiến thức cơ bản về những vấn đề đổi mới quản lý giáo dục nói chung, quản trị nhà trường phổ thông nói riêng, từ đó vận dụng vào hoạt động dạy học của môn học cụ thể đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, phù hợp với bối cảnh thực tiễn của đơn vị, đồng thời có năng lực cơ bản để tham gia quản trị nhà trường từ cấp tổ trưởng chuyên môn trở lên.	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
11	<i>Quản lý lớp học hiệu quả</i>	Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản, khoa học về quản lý lớp học hiệu quả. Trên cơ sở đó, học phần cung cấp cho người học khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản lý lớp học, các chiến lược quản lý lớp học hiệu quả, quản lý hành vi học tập của HS trong lớp học và đổi mới phương pháp quản lý lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
12	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	Nội dung học phần bao gồm các vấn đề chung như đối tượng, nhiệm vụ, các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Trọng tâm của học phần là các xu hướng nghiên cứu và các nghiên cứu so sánh trên từng thành phần thiết yếu của giáo dục. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học giáo dục. Thông qua học phần này người học sẽ được trang bị sâu sắc về tư duy khoa học giáo dục và phương pháp luận giải quyết các vấn đề phát triển giáo dục một cách tổng thể trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội nói chung, hình thành động lực thay đổi trong giáo dục và tìm kiếm những mô hình thay đổi chung giữa các quốc gia.	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		Học phân cung cấp sự chuẩn bị nâng cao cho các nghề nghiệp chuyên môn trong một loạt các vị trí giảng dạy, hoạch định chính sách, quản trị và nghiên cứu.			
13	<i>Công nghệ giáo dục</i>	Học phân cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về lĩnh vực Công nghệ DH với tư cách như một ngành khoa học, bao gồm: Quan điểm công nghệ trong DH (DH được coi là một công nghệ), các yếu tố cơ bản của công nghệ DH (Phương pháp, phương tiện, kĩ năng); Nhận biết cách con người học để thiết kế các phương tiện và hệ thống giảng dạy phù hợp; sử dụng công nghệ trong giảng dạy; Thiết kế phương tiện, đề xuất phương pháp giảng dạy xung quanh các lí thuyết học tập; Đánh giá các phương tiện, hình thức giảng dạy dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông; Nhận biết sự thay đổi của công nghệ, quá trình sản xuất dẫn đến sự thay đổi trong quá trình đào tạo; Phát triển môi trường học tập hiệu quả bằng cách sử dụng các công nghệ đào tạo mới nhất trong các tổ chức giáo dục.	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
14	<i>CDNC1. Các dạng bài tập Đại số và Giải tích nâng cao</i>	Học phân này trình bày một số phương pháp giải toán đại số và giải tích nâng cao để bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông. Các phương pháp giải toán đại số và giải tích nâng cao được trình bày từ lí thuyết tổng quát đến các ví dụ cụ thể minh họa cho các nội dung trọng điểm bồi dưỡng học sinh giỏi toán.	4	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
15	<i>CDNC2. Các dạng bài tập Hình học nâng cao</i>	<p>Nghiên cứu phương pháp giải toán Hình học nâng cao là môn học bắt buộc trong quy trình đào tạo giáo viên toán tại các trường đại học. Chương trình của môn học gồm 2 phần: Cơ sở khoa học của phương pháp giải toán Hình học nâng cao và Thực hành dạy học môn hình học ở THPT.</p> <p>Cụ thể, môn học cung cấp cho người học tổng quan về nội dung dạy học môn Hình học THPT, làm rõ cơ sở khoa học của việc lựa chọn nội dung, và lí giải đặc điểm cấu trúc của nội dung môn Hình học theo hai chương trình SGK hiện hành; Nêu và phân tích cơ sở khoa học của việc</p>	4	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>lựa chọn các phương pháp dạy học các bài toán Hình học nâng cao, làm rõ bản chất của từng phương pháp được vận dụng trong dạy học giải toán hình học ở THPT; Dạy người học cách học, cách vận dụng linh hoạt, sáng tạo các PPDH môn hình học trong các tình huống dạy học giải toán; Trang bị cơ sở khoa học và rèn luyện các kỹ năng cụ thể cho người học trong tổ chức điều khiển quá trình dạy học giải các bài toán hình học nâng cao; Trang bị các cơ sở khoa học và từ đó có thể tích hợp, vận dụng và PTDH, CNTT-TT trong dạy học học phần Hình học nâng cao.</p> <p>Môn học còn cung cấp cho người học một số kinh nghiệm dạy học giải các bài toán hình học nâng cao trong việc thiết kế bài giảng toán, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề cho học sinh THPT.</p>			
16	<i>CDNC3.Thiết kế chủ đề STEM</i>	<p>Học viên thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu, tiên tiến về <i>Thiết kế chủ đề STEM</i>. Bao gồm những nghiên cứu lí thuyết về giáo dục STEM ; tổ chức dạy học STEM ; xây dựng và thực hành dạy học các chủ đề STEM ở trường trung học.</p>	4	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
17	<i>Phát triển năng lực phán đoán và lập luận trong dạy học toán ở trường trung học</i>	<p>Học phần giúp HV phân tích một số vấn đề về DH theo hướng phát triển năng lực phán đoán và lập luận có căn cứ bao gồm: Các khái niệm, các biểu hiện cơ bản và phạm vi sử dụng, xây dựng các biện pháp thực hiện. HV thực hành vận dụng vào thiết kế kế hoạch bài dạy phát triển các năng lực: phán đoán, lập luận có căn cứ, giải quyết vấn đề theo chương trình GDPT 2018.</p> <p>Ngoài ra, học phần này còn tạo điều kiện để HV phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin</p>	2	HK3	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		trong quá trình học tập, nghiên cứu tài liệu và thực hành vận dụng.			
18	<i>Phát triển năng lực suy luận thống kê cho học sinh trung học</i>	Suy luận toán học nói chung, suy luận thống kê nói riêng có một vị trí khá quan trọng trong DH toán phát triển năng lực HS. DH phát triển năng lực suy luận thống kê cho HS là xu hướng mới trên thế giới, phù hợp với đổi mới giáo dục môn Toán 2018. Học phần bao gồm các nội dung sau: Sơ lược về Khoa học thống kê; Suy luận thống kê, mô hình suy luận thống kê; năng lực suy luận thống kê; phương pháp DH phát triển năng lực suy luận thống kê cho HS trung học.	2	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,1 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,3 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
19	Luận văn tốt nghiệp	Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành Lí luận và PPDH bộ môn Toán để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn quản lí, giáo dục và dạy học toán ở các cơ sở giáo dục.	15	HK4	Báo cáo LVTN

4. Thạc sĩ Giáo dục học Tiểu học

4.1. Định hướng ứng dụng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Học phần có mục đích trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, về các vấn đề triết học của lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin. Những vấn đề ở học phần này được nghiên cứu một cách nâng cao và sâu sắc so với chương trình đại học và chương trình triết học không chuyên về lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin.	4	HK1	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

2	Cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục	<p>Người học có hệ thống tri thức về cơ sở tâm lý học của các hoạt động giáo dục trong nhà trường, từ đó có cái nhìn toàn diện và sâu sắc của toàn bộ quá trình hoạt động giáo dục trong nhà trường dưới góc độ tâm lý học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người học có khả năng nhận diện và đánh giá được đặc điểm tâm lý cá nhân từ đó xây dựng thành công kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh từ góc độ tâm lý học - Người học có thể vận dụng các cơ sở tâm lý học trong hoạt động dạy học và kiến tạo lớp học, hoạt động giáo dục đạo đức, thái độ và giá trị sống, hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, giáo dục trải nghiệm học tập cộng đồng, từ đó thành công trong hoạt động giáo dục toàn diện nhân cách học sinh. 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
3	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có hệ thống tri thức về lý luận dạy học và giáo dục hiện đại, đồng thời làm quen với một số nội dung mới của lý luận dạy học và giáo dục hiện đại như: Mục tiêu dạy học và giáo dục hiện đại; nội dung dạy học và giáo dục hiện đại; nguyên tắc dạy học và giáo dục; các phương pháp và phương tiện tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; đánh giá kết quả dạy học và giáo dục. - Người học có khả năng vận dụng các kiến thức mới về lý luận dạy học hiện đại trong việc lập kế hoạch và thực hiện quá trình dạy học, giáo dục; đánh giá và đổi mới quá trình dạy học, giáo dục theo định hướng năng lực - Có thái độ tích cực và sẵn sàng đổi mới trong giáo dục 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
4	Giáo dục trong bối cảnh	<p>Học viên nắm được cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục, các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và</p>	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2

	cảnh quốc tế hóa	<p>giáo dục.; các yếu tố ảnh hưởng đến xu thế phát triển giáo dục thế giới nói chung và xu thế phát triển giáo dục Việt Nam nói riêng.</p> <p>Nắm được các quy luật phát triển giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được xu thế phát triển giáo dục của một số nước trên thế giới để vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam. - Có hiểu biết về một số mô hình giáo dục tiêu biểu trong nền kinh tế thị trường. - Hiểu biết về cơ chế quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và thực tiễn giáo dục Việt nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. - Định hướng và giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục-đào tạo Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. - Có khả năng vận dụng những quy luật khách quan để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của địa phương, đơn vị. 			<ul style="list-style-type: none"> - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
5	Lịch sử các tư tưởng giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản: Các khái niệm về triết học, triết lý giáo dục, triết lý giáo dục Việt Nam. Lý luận về triết lý giáo dục qua các thời kỳ lịch sử từ thời cổ đại đến hiện đại; Hiểu được triết lý giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945 đến nay. - Biết so sánh, vận dụng triết lý giáo dục qua các thời kỳ vào việc đổi mới hoạt động dạy học và công tác quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
6	Giáo dục học so sánh	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được cơ sở lý luận của giáo dục học so sánh. Biết được các nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản khi nghiên cứu so sánh giáo dục trong lĩnh vực khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo dục nói riêng. 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2

		<ul style="list-style-type: none"> - Giúp học viên xác định đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục học so sánh, cũng như các bước tiến hành khi nghiên cứu đề tài về so sánh giáo dục. - Thực hiện được các bước trong so sánh giáo dục. Thông qua việc so sánh giáo dục để phát triển năng lực tư duy, năng lực phán đoán, năng lực tổ chức... của học viên. - Biết vận dụng kinh nghiệm qua so sánh giáo dục vào thực tiễn công tác quản lý giáo dục. 			<ul style="list-style-type: none"> - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
7	Phát triển môi trường giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về môi trường giáo dục và thực trạng môi trường giáo dục hiện nay. - Xây dựng và phát triển môi trường giáo dục tại nơi mình đang công tác - Có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường giáo dục cho người học. 	2	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho học viên hệ thống lý luận cơ bản, hiện đại về nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục. - Giúp học viên nhận thức những vấn đề cơ bản, cấp bách trong thực tiễn giáo dục hiện nay, từ đó định hướng, lựa chọn vấn đề nghiên cứu. - Cung cấp cho học viên lý thuyết về các phương pháp cụ thể được sử dụng để nghiên cứu giáo dục và cách thức tiến hành các hoạt động cơ bản để triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục học. - Phát triển ở học viên kỹ năng xây dựng đề tài, đề cương nghiên cứu cho đề tài, kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài cụ thể, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. - Bồi dưỡng cho học viên kỹ năng triển khai và hoàn thiện một công trình nghiên 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

9	Quản lý giáo dục trong nhà trường	<p>- Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục, các nguyên tắc quản lý giáo dục trong nhà trường; nội dung, quy trình của hoạt động quản lý giáo dục trong nhà trường; các công cụ, hình thức quản lý giáo dục trong nhà trường.</p> <p>- Rèn luyện các kỹ năng quản lý. Biết vận dụng vào quản lý giáo dục trong nhà trường như quản lý học sinh, quản lý trường học</p>	3	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
10	Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục	<p>- Trình bày được một cách hệ thống các khái niệm cơ bản về đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các nguyên tắc đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các phương pháp và hình thức đánh giá trong giáo dục; Phân tích được qui trình đánh giá kết quả giáo dục học sinh</p> <p>- Xây dựng được kế hoạch đánh giá kết quả giáo dục; Sử dụng tương đối thành thạo một số phương pháp và hình thức đánh giá kết quả giáo dục; Học viên nghiêm túc, khách quan, thận trọng trong quá trình đánh giá kết quả giáo dục.</p>	3	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
11	Phát triển và tổ chức chương trình đào tạo	<p>- Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức và kỹ năng xây dựng chương trình dạy học theo các mô hình hiện đại</p> <p>- Giúp người học có kiến thức về quá trình phát triển chương trình dạy học như: ý nghĩa, các nguyên tắc phát triển chương trình dạy học; quy trình phát triển các chương trình dạy học; các hoạt động cơ bản của nhà phát triển chương trình dạy học.</p> <p>- Người học có kiến thức về các phương pháp, kỹ thuật quản lý chương trình dạy học nhằm giúp người học có được kiến thức và kỹ năng quản lý chương trình dạy học.</p>	3	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		<p>- Người học có kỹ năng xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình dạy học</p> <p>- Hình thành thái độ tích cực trong xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình đào tạo.</p>			
12	Tư vấn và hỗ trợ người học	<p>Học phần Tư vấn và hỗ trợ người học là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học. Học phần gồm 4 chương cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về tư vấn, hỗ trợ học sinh. Trong đó, chương 1 cung cấp kiến thức khái quát về tư vấn hỗ trợ học sinh. Chương 2 đề cập đến những khó khăn trong môi trường học đường của học sinh, chương 3 trình bày các kỹ năng tư vấn hỗ trợ cơ bản. Chương 4 thực hành phân tích trường hợp cụ thể và xây dựng chuyên đề tư vấn, hỗ trợ cho học sinh. Học phần này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho việc xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hỗ trợ tâm lý cho học sinh.</p>	2	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập: 0,1</p> <p>- Bài thi giữa môn : 0,3</p> <p>- Bài thi kết thúc môn : 0,6</p>
13	Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	<p>Học phần trang bị cho học viên những vấn đề về ngôn ngữ làm cơ sở cho việc tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học (cơ sở của việc xác định yêu cầu cần đạt; nguyên tắc, phương pháp dạy học, nội dung dạy học môn Tiếng Việt và cách thức kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực ngôn ngữ của học sinh tiểu học), đồng thời rèn luyện cho học viên những năng lực vận dụng tri thức ngôn ngữ học vào việc dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.</p>	2	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>
14	Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học	<p>Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về tích hợp, dạy học tích hợp ở tiểu học; Phân tích, so sánh những quan điểm tích hợp, nội dung tích hợp, phương pháp luận về dạy học tích hợp ở tiểu học trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó học viên có thể lựa chọn các địa chỉ tích hợp</p>	3	HK2	<p>- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2</p> <p>- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2</p> <p>- Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6</p>

		phù hợp và cách xác định mức độ tích hợp trong các bài học ở tiểu học. Hình thành kỹ năng sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phương tiện dạy học... trong dạy học tích hợp; kỹ năng lập kế hoạch dạy học (soạn giáo án) tích hợp các nội dung giáo dục ở tiểu học.			
15	<i>Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học qua dạy học toán</i>	Học phần Phát triển năng lực tư duy thông qua dạy học môn Toán ở trường Tiểu học thuộc học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên các năng lực tư duy cần phát triển cho người học khi dạy học môn Toán ở cấp Tiểu học.	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
16	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>	Học phần <i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy Văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i> cung cấp cho học viên cao học những kiến thức tổng quát về tiến trình phát triển, những thành tựu văn học thiếu nhi qua từng giai đoạn phát triển. Đồng thời cung cấp những kiến thức lí luận để học viên có thể đi sâu vào nghiên cứu những thành tựu của văn học thiếu nhi theo đặc trưng thể loại và theo hướng thi pháp học.	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
17	<i>Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao</i>	<i>Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao</i> cung cấp và trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt nói chung, phương pháp dạy học cập nhật, chuyên sâu các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe và giúp học viên sử dụng và lựa chọn được các phương pháp và kỹ thuật dạy học chuyên sâu, tiên tiến trong dạy học và xây dựng KHBH phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
18	<i>Lí luận và phương pháp dạy học toán</i>	Học phần cung cấp cho học viên những cơ sở lí luận của một số xu hướng dạy học tích cực như dạy học toán theo xu	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2

	tiểu học nâng cao	hướng tiếp cận năng lực, dạy học toán theo xu hướng tích hợp, dạy học hợp tác, dạy học dự án; hoạt động, kiến tạo, khám phá... khả năng vận dụng các xu hướng này vào dạy học môn Toán ở tiểu học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở trường tiểu học.			- Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
19	Lí luận và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học - Xã hội và học nâng cao	Học phần nghiên cứu về Chương trình giáo dục phổ thông các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học, bao gồm môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3, Môn Khoa học lớp 4,5 và môn Lịch sử - Địa lí. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, trong đó tập trung vào việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển năng lực khoa học, bao gồm: Nhận thức khoa học; Tìm hiểu môi trường tự nhiên xã hội xung quanh và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
20	Thực tập	Học phần tạo cơ hội cho học viên phát hiện thực trạng trong thực tiễn giáo dục và dạy học; triển khai thử nghiệm và đánh giá việc sử dụng các PP&KT dạy học hiện đại, tiên tiến; chủ trì các hoạt động học thuật, sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp; triển khai chương trình giáo dục địa phương, nhà trường; ứng dụng CNTT trong đổi mới dạy học; thể hiện tác phong, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng.	6	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
21	Đồ án tốt nghiệp	Đồ án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kĩ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành giáo dục học tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn quản lí, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học.	9	HK4	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

4.2. Định hướng nghiên cứu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Học phần có mục đích trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, về các vấn đề triết học của lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin. Những vấn đề ở học phần này được nghiên cứu một cách nâng cao và sâu sắc so với chương trình đại học và chương trình triết học không chuyên về lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin.	4	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
2	<i>Cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục</i>	Cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Giáo dục học nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức về các cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục nói chung: Giáo dục đạo đức, giáo dục thái độ và giá trị sống; các hoạt động giáo dục trong dạy học và kiến tạo môi trường học tập, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm học tập cộng đồng. Từ đó người học có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục hiện nay tại các cấp học khác nhau của hệ thống giáo dục và đào tạo quốc gia.	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
3	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có hệ thống tri thức về lý luận dạy học và giáo dục hiện đại, đồng thời làm quen với một số nội dung mới của lý luận dạy học và giáo dục hiện đại như: Mục tiêu dạy học và giáo dục hiện đại; nội dung dạy học và giáo dục hiện đại; nguyên tắc dạy học và giáo dục; các phương pháp và phương tiện tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; đánh giá kết quả dạy học và giáo dục. - Người học có khả năng vận dụng các kiến thức mới về lý luận dạy học hiện đại trong việc lập kế hoạch và thực hiện quá trình 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>dạy học, giáo dục; đánh giá và đổi mới quá trình dạy học, giáo dục theo định hướng năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ tích cực và sẵn sàng đổi mới trong giáo dục 			
4	<i>Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa</i>	<p>Học viên nắm được cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục, các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục.; các yếu tố ảnh hưởng đến xu thế phát triển giáo dục thế giới nói chung và xu thế phát triển giáo dục Việt Nam nói riêng. Nắm được các quy luật phát triển giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được xu thế phát triển giáo dục của một số nước trên thế giới để vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam. - Có hiểu biết về một số mô hình giáo dục tiêu biểu trong nền kinh tế thị trường. - Hiểu biết về cơ chế quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và thực tiễn giáo dục Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. - Định hướng và giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục-đào tạo Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. - Có khả năng vận dụng những quy luật khách quan để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của địa phương, đơn vị. 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
5	<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản: Các khái niệm về triết học, triết lý giáo dục, triết lý giáo dục Việt Nam. Lý luận về triết lý giáo dục qua các thời kỳ lịch sử từ thời cổ đại đến hiện đại; Hiểu được triết lý giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945 đến nay. - Biết so sánh, vận dụng triết lý giáo dục qua các thời kỳ vào việc đổi mới hoạt động dạy học và công tác quản lý giáo dục trong 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay			
6	<i>Giáo dục học so sánh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được cơ sở lý luận của giáo dục học so sánh. Biết được các nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản khi nghiên cứu so sánh giáo dục trong lĩnh vực khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo dục nói riêng. - Giúp học viên xác định đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục học so sánh, cũng như các bước tiến hành khi nghiên cứu đề tài về so sánh giáo dục. - Thực hiện được các bước trong so sánh giáo dục. Thông qua việc so sánh giáo dục để phát triển năng lực tư duy, năng lực phán đoán, năng lực tổ chức... của học viên. - Biết vận dụng kinh nghiệm qua so sánh giáo dục vào thực tiễn công tác quản lý giáo dục. 	3	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
7	<i>Kiểm định và ĐG chất lượng giáo dục</i>		2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
8	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho học viên hệ thống lý luận cơ bản, hiện đại về nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục. - Giúp học viên nhận thức những vấn đề cơ bản, cấp bách trong thực tiễn giáo dục hiện nay, từ đó định hướng, lựa chọn vấn đề nghiên cứu. - Cung cấp cho học viên lý thuyết về các phương pháp cụ thể được sử dụng để nghiên cứu giáo dục và cách thức tiến hành các hoạt động cơ bản để triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục học. - Phát triển ở học viên kỹ năng xây dựng đề tài, đề cương nghiên cứu cho đề tài, kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu 	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		phù hợp với đề tài cụ thể, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. - Bồi dưỡng cho học viên kỹ năng triển khai và hoàn thiện một công trình nghiên			
9	Quản lý giáo dục trong nhà trường	- Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục, các nguyên tắc quản lý giáo dục trong nhà trường; nội dung, quy trình của hoạt động quản lý giáo dục trong nhà trường; các công cụ, hình thức quản lý giáo dục trong nhà trường. - Rèn luyện các kỹ năng quản lý. Biết vận dụng vào quản lý giáo dục trong nhà trường như quản lý học sinh, quản lý trường học	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
10	Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục	- Trình bày được một cách hệ thống các khái niệm cơ bản về đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các nguyên tắc đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các phương pháp và hình thức đánh giá trong giáo dục; Phân tích được qui trình đánh giá kết quả giáo dục học sinh - Xây dựng được kế hoạch đánh giá kết quả giáo dục; Sử dụng tương đối thành thạo một số phương pháp và hình thức đánh giá kết quả giáo dục; Học viên nghiêm túc, khách quan, thận trọng trong quá trình đánh giá kết quả giáo dục.	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
11	Phát triển và tổ chức chương trình đào tạo	- Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức và kỹ năng xây dựng chương trình dạy học theo các mô hình hiện đại - Giúp người học có kiến thức về quá trình phát triển chương trình dạy học như ý nghĩa, các nguyên tắc phát triển chương trình dạy học; quy trình phát triển các chương trình dạy học; các hoạt động cơ bản của nhà phát triển chương trình dạy học. - Người học có kiến thức về các phương pháp, kỹ thuật quản lý chương trình dạy học nhằm giúp người học có	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

		<p>được kiến thức và kỹ năng quản lý chương trình dạy học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người học có kỹ năng xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình dạy học - Hình thành thái độ tích cực trong xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình đào tạo. 			
12	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>	<p>Học phần Tư vấn và hỗ trợ người học là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học. Học phần gồm 4 chương cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về tư vấn, hỗ trợ học sinh. Trong đó, chương 1 cung cấp kiến thức khái quát về tư vấn hỗ trợ học sinh. Chương 2 đề cập đến những khó khăn trong môi trường học đường của học sinh, chương 3 trình bày các kỹ năng tư vấn hỗ trợ cơ bản. Chương 4 thực hành phân tích trường hợp cụ thể và xây dựng chuyên đề tư vấn, hỗ trợ cho học sinh. Học phần này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho việc xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hỗ trợ tâm lý cho học sinh.</p>	2	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập: 0,1 - Bài thi giữa môn : 0,3 - Bài thi kết thúc môn : 0,6
13	<i>Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học</i>	<p>Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về tích hợp, dạy học tích hợp ở tiểu học; Phân tích, so sánh những quan điểm tích hợp, nội dung tích hợp, phương pháp luận về dạy học tích hợp ở tiểu học trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó học viên có thể lựa chọn các địa chỉ tích hợp phù hợp và cách xác định mức độ tích hợp trong các bài học ở tiểu học. Hình thành kỹ năng sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phương tiện dạy học... trong dạy học tích hợp; kỹ năng lập kế hoạch dạy học (soạn giáo án) tích hợp các nội dung giáo dục ở tiểu học.</p>	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
14	<i>Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán</i>	<p>Học phần Phát triển năng lực tư duy thông qua dạy học môn Toán ở trường Tiểu học thuộc học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên các năng lực tư duy cần phát triển cho người học khi dạy học môn Toán ở cấp Tiểu học.</p>	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

15	Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy Văn học thiếu nhi ở Việt Nam	Học phần <i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy Văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i> cung cấp cho học viên cao học những kiến thức tổng quát về tiến trình phát triển, những thành tựu văn học thiếu nhi qua từng giai đoạn phát triển. Đồng thời cung cấp những kiến thức lí luận để học viên có thể đi sâu vào nghiên cứu những thành tựu của văn học thiếu nhi theo đặc trưng thể loại và theo hướng thi pháp học.	3	HK2	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
16	Chuyên đề nghiên cứu 1. NL toán học của HSTH	Chuyên đề nghiên cứu <i>Năng lực toán học của học sinh tiểu học</i> cung cấp và trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về năng lực toán học, đường phát triển năng lực, từ đó vận dụng vào hoạt động giáo dục, dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực toán học của học sinh tiểu học.	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
17	Chuyên đề nghiên cứu 2. NL ngôn ngữ của HSTH	Chuyên đề nghiên cứu <i>Năng lực ngôn ngữ của học sinh tiểu học</i> cung cấp và trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về năng lực ngôn ngữ và dạy học phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe cho học sinh tiểu học; giúp học viên khai thác được những kết quả nghiên cứu trong tổ chức giáo dục và dạy học tiếng Việt phát triển năng lực học sinh tiểu học.	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
18	Chuyên đề nghiên cứu NL TN-XH HSTH	Nội dung học phần bao gồm: Một số lý thuyết về năng lực, phát triển năng lực, tiếp cận năng lực, phương pháp tổ chức dạy học phát triển năng lực học sinh, đặc biệt là năng lực Khoa học (Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Lịch sử - Địa lí).	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6

19	Chuyên đề nghiên cứu Thiết kế chủ đề GD STEM ở trường tiểu học	Học viên thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu, tiên tiến về <i>Thiết kế chủ đề giáo dục STEM ở trường tiểu học</i> . Bao gồm những nghiên cứu lí thuyết về giáo dục STEM ; tổ chức dạy học STEM ; xây dựng và thực hành dạy học các chủ đề STEM ở trường tiểu học.	3	HK3	- Điểm chuyên cần, thái độ học tập (ĐCCTĐ): 0,2 - Bài thi giữa môn ((BTGM): 0,2 - Bài thi kết thúc môn (BTKTM): 0,6
20	LV tốt nghiệp	Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kĩ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành Giáo dục học Tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn quản lí, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học.	15	HK4	Báo cáo LV

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	<i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.	2009	
2	<i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.	2006	
3	<i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.	2010	
4	<i>Giáo trình Tin học đại cương</i> , NXB Giao thông vận tải, 2007.	2007	
5	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.	2002	
6	<i>Tập hợp - Logic và số học</i> , NXB Giáo dục	1996	
7	<i>Giáo trình Tiếng Việt 1, 2</i> NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2011	
8	<i>Sinh lý học trẻ em</i> , NXB Đại học Sư phạm, NXB Giáo dục.	2006	2022

9	<i>Văn học, tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học, dự án phát triển giáo viên Tiểu học, NXB Giáo dục</i>	2007	
10	<i>Tâm lí học tiểu học, NXB ĐHSP Hà Nội- Năm 2004</i>	2004	
11	Giáo trình Pháp luật đại cương, (Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội 2014.	2014	
12	Cấu trúc đại số- NXBGD 1981	1981	
13	Giáo trình <i>Tiếng Việt 3</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2011	
14	Giáo dục học tập 1, NXB Giáo dục, HN	1987	
15	Đặng Hùng Thắng (2008), <i>Thống kê và ứng dụng</i> , Nhà Xuất bản Giáo dục	2008	
16	<i>Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học</i> , Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.	2006	2021
17	Giáo trình Tiếng Việt thực hành A, NXB Giáo dục	2005	
18	<i>Lịch sử mỹ thuật Việt Nam</i> , NXB Đại học Sư phạm	2004	
19	Giáo trình <i>Âm nhạc 2 (dành cho ngành tiểu học)</i> , Nxb Đại học Huế, Thành phố Huế.	2012	
20	Giáo dục học T2 NXB Giáo dục, 1987	1987	
21	<i>Giáo trình giao tiếp sư phạm</i> , Nxb Đại học Sư phạm 2014.	2014	
22	<i>Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học</i> , NXB Đại học Sư phạm	2006	
23	<i>Tự nhiên - Xã hội và Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội - Tập 1, 2</i> , NXB Giáo dục.	2006	
24	<i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học</i> , NXBĐHSP.	2009	
25	Bộ GD và ĐT, Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Tài liệu tập huấn Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, 2014.	2014	
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, Dự án Việt Bỉ	2007	
27	TCKT và PPDH TCKT – NXB ĐHSP và NXBGD - 2007	2007	
28	Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học Nxb Giáo dục, NxbĐHSP	2006	
29	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Toán. Dự án Việt-Bỉ tháng 11 năm 2000.	2007	

30	Lê Văn Trường – Nguyễn Kim Tiên (Đồng chủ biên) (2006), Giáo dục môi trường, NXB Giáo dục	2006	
31	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, NXBGD.	2006	
32	Trần Thị Minh Đức, Giáo trình tham vấn tâm lý, NXB. ĐHQG HN, 2009	2009	
33	Nguyễn Thị Thán – Nguyễn Thị Thanh Hương (2014), Dạy học ở tiểu học theo phương pháp Bàn tay nặn bột, NXB Giáo dục	2014	
34	Đào Thái Lai (2006), Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học, Tập 1, 2, NXB Giáo dục	2006	
35	Lê Phương Nga - Đặng Kim Nga, Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, NXB Giáo dục, 2007	2007	
36	Nguyễn Hữu Hợp (Chủ biên) (2006), Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức, NXB Giáo dục.	2006	
37	Đỗ Đình Hoan và tập thể, Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học, NXB ĐHSP	2007	
38	Đặng Tự Ân, Mô hình trường học mới tại Việt Nam, NXBGD Việt Nam, 12/2013	2013	
39	Phạm Viết Vượng, Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, NXB ĐHSP, HN, 2003.	2003	
40	Lê Thị Lan Anh (2009), Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương cho học sinh tiểu học, NXB Giáo dục.	2009	
41	Lê Văn Tạc (chủ biên) (2006), Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học, NXB Lao động xã hội	2006	
42	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học, NXB Giáo dục VN, 2010.	2010	
4	Đỗ Hương Trà (chủ biên). Dạy học tích hợp phát triển năng lực của HS. Quyển 1,2. NXB Đại học Sư phạm, 2015.	2015	
44	Nguyễn Trí (2009), Một số vấn đề dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học, Nxb Giáo dục	2009	
45	Giáo trình "Phương pháp công tác Đội TNTP" dành cho các trường đào tạo giáo viên tiểu học, NXBGD 1993	1993	
46	Đoàn Thị Minh, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Công Bằng, Peter J. Gray, Hồ Tấn Nhật (2012), Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, NXB ĐH quốc gia TP. Hồ Chí Minh.	2015	
47	Đào tạo nâng cao NL SLTK	2014	
48	Giáo trình PPDH toán tiểu học	2021	
49	Giáo trình PPDH tiếng Việt tiểu học	2021	
50	GT PPDH TN-XH tiểu học	2021	

51	GT Cơ sở toán học của việc dạy học toán tiểu học, tập 1	2021	
----	---	------	--

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ GDHTh	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán 4	Hoàng Thị Ngọc Thủy	TS. Hoàng Nam Hải	
		Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 5	Hoàng Minh Hồng	TS. Hoàng Nam Hải	
		Biện pháp hỗ trợ nhận thức khi học toán cho học sinh đầu cấp tiểu học.	Trần Thị Quỳnh Trang	TS. Hoàng Nam Hải	
		Phát triển tư duy hàm cho học sinh thông qua khai thác các mẫu hình trong dạy học toán lớp 5.	Nguyễn Thị Hoài Thu	TS. Nguyễn Thị Duyên	
		Phát triển năng lực vận dụng toán học vào thực tiễn cho học sinh lớp 5 trong dạy học “Số đo thời gian và toán chuyên động đều”	Nguyễn Thị Ái Liên	TS. Trần Luận	
		Phát triển suy luận ngoại suy thông qua yếu tố Hình học cho học sinh lớp 5	Nguyễn Đình Minh Kha	TS. Nguyễn Đăng Minh Phú	
		Tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo quan điểm sư phạm tương tác	Nguyễn Thị Liên	PGS. TS. Đậu Thị Hòa	
		Thiết kế và vận dụng một số trò chơi trong hoạt động ngoại khóa môn Khoa học lớp 4 nhằm phát triển năng lực hợp tác	Đoàn Thị Tường Uyên	PGS. TS. Đậu Thị Hòa	
		Vận dụng một số phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Khoa học lớp 4 ở trường tiểu học nhằm phát triển năng lực học sinh	Phạm Thị Ngọc Trâm	PGS. TS. Đậu Thị Hòa	
		Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học môn Địa lí lớp 5 theo hướng phát triển năng lực học sinh	Huỳnh Thị Khánh Vân	PGS. TS. Đậu Thị Hòa	
		Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông theo mô hình kết hợp trong dạy học Địa lí lớp 5	Nguyễn Thị Phương Thanh	PGS. TS. Đậu Thị Hòa	
		Dạy học ngoài lớp nhằm phát triển năng lực cho học sinh tiểu học trong môn Khoa học lớp 4	Trần Thị Thùy Trang	TS. Võ Trung Minh	
		Phát triển năng lực học sinh qua tổ chức dạy học theo dự án môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3	Đoàn Thị Huyền	TS. Võ Trung Minh	
		Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học lớp 4	Nguyễn Thị Thúy Phương	TS. Võ Trung Minh	
Dạy học toán cho học sinh lớp 4 theo quan điểm kiến tạo.	Tôn Nữ Kim Anh	TS. Trần Luận			

	Phát triển năng lực chuyển đổi giữa các biểu diễn toán cho học sinh lớp 3.	Nguyễn Thị Hằng	TS. Nguyễn Đăng Minh Phúc	
	Kiến thức quy trình và kiến thức khái niệm về phân số của học sinh lớp 4	Nguyễn Thị Hoài Thương	TS. Nguyễn Thị Duyên	
	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học	Hồ Thị Thúy Vân	TS. Hoàng Nam Hải	
	Phát triển năng lực dạy học toán theo lý thuyết kiến tạo cho giáo viên tiểu học.	Nguyễn Trần Thanh Thanh	TS. Hoàng Nam Hải	
	Phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh Tiểu học thông qua dạy học Toán 3	Lê Thị Nguyễn Quỳnh	TS. Trần Luận	
	Phát triển năng lực hợp tác trong dạy học toán học cho học sinh lớp 4.	Hoàng Thị Thanh Thúy	TS. Trần Luận	
	Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực vận dụng kiến thức trong dạy học phần Địa lí lớp 5.	Nguyễn Thị Thùy Nhung	PGS. TS. Đậu Thị Hòa	
	Sử dụng Webquest để tổ chức dạy học theo dự án phần Địa lí lớp 5	Trương Thị Lan Nhi	PGS. TS. Đậu Thị Hòa	
	Dạy học đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 4,5 theo khung ngôn ngữ đánh giá của ngữ pháp chức năng hệ thống.	Nguyễn Thị Thu Sinh	PGS.TS. Trần Văn Sáng	
	Phát triển năng lực đọc hiểu cho hs lớp 4 qua dạy học môn Tiếng Việt bằng Phiếu đọc sách	Phan Thị Thủy	TS. Lê Thị Ngọc Anh	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	BD CTGDPT 2018	2000		Mđ 1-9	Tốt
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1				
2				

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Thiết kế chủ đề STEM vào dạy học ở trường tiểu học			2019		
2	Nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên trong môn Toán ở trường tiểu học			2019		
3	Ứng dụng phần mềm ISPRING trong thiết kế các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học			2019		
4	Một số biện pháp giáo dục học sinh tiểu học bằng kỹ thuật tích cực			2019		
5	Nâng cao năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 5			2019		
6	Nâng cao năng lực đọc thành tiếng cho học sinh lớp 1			2019		
7	Thực trạng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm trong môn Tự nhiên và Xã hội			2019		
8	Một số biện pháp phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên trong dạy học môn Khoa học lớp 4,5			2019		
9	Xây dựng nội dung giáo dục địa phương trong dạy học phân môn Tập đọc ở lớp 5			2019		
10	Thực trạng văn hóa đọc của học sinh lớp 5 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.			2019		
11	Vận dụng mô hình dạy học 5E để thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học toán lớp 1 đáp ứng chương trình GDPT năm 2018.			2020		
12	Thiết kế chủ đề STEM kết hợp với phần mềm			2020		

	SCRATCH vào dạy học ở tiểu học.					
13	Xây dựng môi trường tương tác trong dạy học Toán lớp 4 thông qua phần mềm ACTIVINSPIRE			2020		
14	Thiết kế và tổ chức hoạt động nhận thức trong môn toán cho học sinh lớp 1 đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.			2020		
15	Hình thành kỹ năng tự thoát hiểm cho học sinh tiểu học.			2020		
16	Vận dụng mô hình dạy học STEM trong môn Khoa học cho học sinh tiểu học			2020		
17	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua bài giảng E-learning trong phân môn Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5.			2020		
18	Phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh trong dạy học Tập đọc ở tiểu học			2020		
19	Nâng cao năng lực học kể chuyện cho học sinh lớp 3.			2020		
20	Phát triển kỹ năng hội thoại cho học sinh lớp 2 thông qua phân môn Tập làm văn.			2020		
21	Thiết kế chủ đề Giáo dục STEM: “Sử dụng năng lượng tự nhiên để tiết kiệm điện và giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho học sinh tiểu học			2021		
22	Phát triển năng lực nhận thức của học sinh thông qua dạy học tìm tòi khám phá môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.			2021		

23	Thiết kế, mô phỏng mô hình xe thông minh và bài giảng điều khiển bằng Smartphon hỗ trợ dạy và học ở tiểu học			2021		
24	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong môn khoa học ở tiểu học theo CTGDPT 2018			2021		
25	Nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt lớp 3			2021		
26	Nâng cao năng lực dạy học tập đọc môn Tiếng Việt lớp 1 theo chương trình GDPT 2018			2021		
27	Thiết kế hoạt động DH toán thông qua trò chơi học tập cho HS lớp 1 đáp ứng CTGDPT 2018			2021		
28	Phát triển năng lực đọc sáng tạo cho học sinh lớp 5 thông qua phân môn Tập đọc.			2021		
29	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học khai thác các bài toán thực tế.			2021		
30	Vận dụng công nghệ thông tin thiết kế một số hoạt động dạy học Toán lớp 1 theo CTGDPT năm 2018			2021		

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Giáo dục Tiểu học	2021	Đạt		Đạt	14/2/2022	2026
2							

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2022.
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 19
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ĐƠN VỊ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...							
2	Phòng thực hành...							
3	Xưởng thực tập...							
4	Nhà tập đa năng							
5	Hội trường							
6	Phòng học...							
7	Phòng học đa phương tiện...							
8	Thư viện...							
9	Trung tâm học liệu...							
10	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	
2	Số chỗ ngồi đọc	
3	Số máy tính của thư viện	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
-----	-----	-------

1	Diện tích đất/sinh viên	
2	Diện tích sàn/sinh viên	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 20

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành GDTH	26	0	01	11	15	0			17	8	1
	Ngành TH&CN											
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành...											
d	Khối ngành IV											
	Ngành...											
đ	Khối ngành V											
	Ngành...											
e	Khối ngành VI											
	Ngành...											
	Khối ngành VII											
	Ngành...											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	...					
2	Khối ngành II					
	...					
3	Khối ngành III					
	...					
4	Khối ngành IV					
	...					
5	Khối ngành V					
	...					
6	Khối ngành VI					

	...					
7	Khối ngành VII					
	...					

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 21
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ĐƠN VỊ

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng		
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)

